CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
VIETNAM FORTUNE FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Số: ..39../2026/CBTT-VFC
No: ..39.../2026/CBTT-VFC
V/v: Công bố thông tin giấy mời họp và Tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2026 của Công ty
Re: Disclosure of the Meeting Invitation and documents of the First Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026 of

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2026
Hanoi, 20th, November 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: The State Securities Commission

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT/ *VIETNAM FORTUNE FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY***

- Địa chỉ/*Address:* Tầng 11 Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội/ *11th Floor, Doji Tower, 5 Le Duan Street, Van Mieu – Quoc Tu Giam Ward, Hanoi*
- Điện thoại liên hệ/*Tel*: 0983 608 667

2. Nội dung công bố thông tin/*Contents of disclosure*:

Loại thông tin công bố: ☑ 24h ☐ 72h ☐ Định kỳ ☐ Bất thường
Yêu cầu

Type of information disclosed: ☑ *24h* ☐ *72h* ☐ *Regular* ☐ *Irregular*
Required

- Công bố thông tin Thư mời họp và Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát theo Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐQT-VFC ngày 20/11/2026/ *Disclosure of the Meeting Invitation and documents of the First Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026 of Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company pursuant to Resolution No. 12/2026/NQ-HĐQT-VFC dated 20 November 2026.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/11/2026 tại đường dẫn https://vietcat.com/cong-bo-thong-tin/ *This information was published on*

Company's website on 20th November 2026 as in the link https://vietcat.com/cong-bo-thong-tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We're hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./*.

Tài liệu đính kèm/*Attached document:*

- *Như Mục 2/As Section 2:*
- *NQ HĐQT số 12/2026 NQ-VFC-HĐQT*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

GIÁM ĐỐC PHÁP CHẾ

Nguyễn Thị Lệ Quyên

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ CỦA TPBANK

Số: 12./2026/NQ-HĐQT-VFC
No.: 12./2026/NQ-HĐQT - VFC
V/v: Thông qua các nội dung họp trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026
Re: Approval of the matters to be submitted to the First Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2026
Hanoi, 20/11/2026

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS
VIETNAM FORTUNE FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THE BOARD OF DIRECTORS

Căn cứ:

Pursuant to:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

  The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly on 17/06/2020 and its guiding documents;

- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

  The Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly on 26/11/2019 and its guiding documents;

- *Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("**VFC**" hoặc "**Công ty**"); và*

  *The Charter of Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company ("**VFC**" or the "**Company**"); and*

- *Biên bản họp Hội đồng Quản trị của Công ty số 12./2026/BBH-HĐQT ngày 20. tháng 11... năm 2026.*

- *The Minutes of the Meeting of the Board of Directors of the Company No.12...../2026/BBH-HĐQT dated 20/11/2026.*

QUYẾT NGHỊ:
RESOLVES:

Điều 1. Thông qua các nội dung Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của VFC ("**Đại Hội Bất Thường**") phê duyệt, cụ thể như sau:

*To approve the matters to be submitted by the Board of Directors to the First Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026 of VFC (the "**Extraordinary General Meeting**") for approval, as follows:*

(a) Chấp thuận việc Đại Hội Bất Thường được tổ chức và điều hành theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ

Công ty và Quy chế làm việc tại Đại Hội Bất Thường được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên khai mạc.

Approval that the Extraordinary General Meeting be organized and conducted in accordance with the Law on Enterprises, the Company's Charter and the Working Regulation of the Extraordinary General Meeting approved by the General Meeting of Shareholders at the opening session.

(b) Thông qua toàn văn Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông theo Tờ trình số ..03../2026/TTr-HĐQT ngày 20.../..11..../2026 của Hội đồng Quản trị. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thay thế Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua ngày 23/04/2021. Kể từ ngày Quy chế có hiệu lực, Quyết định số 07/2024/QĐ-TGĐ ngày 25/06/2024 của Tổng Giám đốc và Quy chế ban hành kèm theo chấm dứt hiệu lực.

Approval of the full text of the Regulation on Organization of Meetings and Voting of the General Meeting of Shareholders under Proposal No. ..03../2026/TTr-HĐQT dated ..20.../...11./2026 of the Board of Directors. The Regulation takes effect from the date of its approval by the General Meeting of Shareholders and replaces the Regulation on Organization of General Meetings of Shareholders approved on 23/04/2021. From the effective date of the Regulation, Decision No. 07/2024/QĐ-TGĐ dated 25/06/2024 of the General Director and the Regulation issued thereunder shall cease to be effective.

(c) Thông qua việc thay đổi tên Công ty theo Tờ trình số ..04..../2026/TTr-HĐQT ngày .20./..11.../2026 của Hội đồng Quản trị, cụ thể như sau:

Approval of the change of the Company's name under Proposal No. ..04.../2026/TTr-HĐQT dated ..20.../..11.../2026 of the Board of Directors, as follows:

(i) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG**

Company name in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG

(ii) Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **Tien Phong Capital Management Joint Stock Company**

Company name in English: Tien Phong Capital Management Joint Stock Company

(iii) Tên Công ty viết tắt: **TPcapital**

Abbreviated name: TPCapital

(iv) Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **TPCapital**

Trading name in English: TPCapital

Tên mới của Công ty có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động ghi nhận việc thay đổi tên.

The new name of the Company shall take effect from the date on which the State Securities Commission of Vietnam issues the amended Establishment and Operation License recording the change of name.

(d) Thông qua (i) nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Tờ trình số 05./2026/TTr-HĐQT ngày .20./11../2026 của Hội đồng Quản trị và (ii) toàn văn Điều lệ sửa đổi đính kèm Tờ trình.

Approval of (i) the amendments and supplements to the Company's Charter under Proposal No. 05./2026/TTr-HĐQT dated 20./11./2026 of the Board of Directors and (ii) the full text of the amended Charter attached to the Proposal.

(e) Thông qua việc Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, trong phạm vi các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thực hiện các công việc sau:

Approval of the assignment and authorization by the General Meeting of Shareholders to the Board of Directors, within the scope of the matters approved by the General Meeting of Shareholders, to

carry out the following:

(i) Lập, ký và nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, thực hiện các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

Prepare, sign and submit the application to the State Securities Commission of Vietnam for amendment of the Establishment and Operation License, carry out procedures with competent state authorities, and make reports and information disclosures in accordance with the law;

(ii) Điều chỉnh tên tiếng Anh, tên viết tắt của Công ty theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), với điều kiện giữ nguyên tên riêng "Tiên Phong" và phù hợp với chấp thuận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong;

Adjust the Company's English name and abbreviated name at the request of competent state authorities (if any), provided that the proper name "Tien Phong" is retained and the adjustment is consistent with the approval of Tien Phong Commercial Joint Stock Bank;

(iii) Hoàn thiện câu chữ, lỗi kỹ thuật của Điều lệ sửa đổi theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), với điều kiện không làm thay đổi nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; và

Finalize the wording and correct technical errors in the amended Charter at the request of competent state authorities (if any), provided that such changes do not alter the substance approved by the General Meeting of Shareholders; and

(iv) Quyết định các vấn đề và thực hiện các công việc khác cần thiết để hoàn tất các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết của Đại Hội Bất Thường.

Decide on matters and carry out other necessary actions to complete the matters approved by the General Meeting of Shareholders under the Resolution of the Extraordinary General Meeting.

Hội đồng Quản trị được giao/ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

The Board of Directors may delegate one or more of the above tasks to the Chairman of the Board of Directors, the General Director or the legal representative of the Company.

Điều 2: Giao/ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

To assign/authorize the Chairman of the Board of Directors to:

(a) Ký Thư mời họp, các Tờ trình và tài liệu họp, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt các nội dung nêu tại Điều 1 Nghị quyết này;

Sign the Meeting Invitation, the Proposals and the meeting documents, and submit the matters set out in Article 1 of this Resolution to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval;

(b) Chỉ đạo lập danh sách cổ đông có quyền dự họp theo ngày đăng ký cuối cùng là ngày 20/11/2026, gửi Thư mời họp, đăng tải tài liệu họp trên trang thông tin điện tử của Công ty, thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật; và

Direct the compilation of the list of shareholders entitled to attend the meeting based on the record date of 20/11/2026, send the Meeting Invitation, publish the meeting documents on the Company's website, and make reports and information disclosures in accordance with the law; and

(c) Quyết định về thời gian và địa điểm cụ thể tổ chức Đại Hội Bất Thường (dự kiến ngày 14/12/2026

tại trụ sở chính của Công ty).

Decide on the specific time and venue of the Extraordinary General Meeting (expected on 14/12/2026 at the Company's head office).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các phòng, ban có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, nội dung bản tiếng Việt được áp dụng./.

This Resolution takes effect from the date of signing. The Chairman of the Board of Directors, the members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the General Director and the relevant departments of the Company shall be responsible for implementing this Resolution. This Resolution is made in Vietnamese and English. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail./.

Nơi nhận:
Recipients:
- *Như Điều 3; và*
  As stated in Article 3; and
- *Lưu: HC, PC.*

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

NGUYỄN VIỆT ANH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ CỦA TPBANK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .01./2026/TM-HĐQT-VFC

V/v: Tham dự họp ĐHĐCĐ Bất thường lần 1 năm 2026 của Công ty

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 Năm 2026

THƯ MỜI HỌP

(V/v: Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát)

Căn cứ Nghị quyết số ..12.../2026/NQ-HĐQT-VFC ngày ..20../..11.../2026 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua các nội dung họp trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát ("**VFC**" hoặc "**Công ty**") trân trọng kính mời Quý vị cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của VFC ("**Đại Hội Bất Thường**") như sau:

1. **Thời gian**: .8...h00 thứ 2.. ngày14../12/2026.
2. **Địa điểm**: Tầng 11, Toà nhà Doji Tower, Số 05 Đường Lê Duẩn, Phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội.
3. **Thành phần**: Tất cả các Cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông của VFC chốt tại ngày 20/11/2026
4. **Hình thức họp:** Họp trực tiếp
5. **Nội dung họp**: Thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông như sau:
   (a) Thông qua quy chế làm việc tại Đại Hội Bất Thường được tổ chức theo Quy chế thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 25/06/2024;
   (b) Thông qua Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông (thay thế Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua ngày 23/04/2021 và chấm dứt hiệu lực Quyết định số 07/2024/QĐ-TGĐ ngày 25/06/2024 cùng Quy chế ban hành kèm theo). Quy chế mới có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cũng như các lần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, được triệu tập sau ngày này;
   (c) Thông qua việc thay đổi tên Công ty;
   (d) Thông qua (i) sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty theo Tờ trình số ..05../2026/TTr-HĐQT ngày 20./11../2026 và (ii) toàn văn Điều lệ sửa đổi của Công ty đính kèm Tờ trình đó;
   (e) Thông qua việc Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định/chấp thuận và thực hiện một số công việc; và
   (f) Những vấn đề quan trọng khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VFC.
6. **<u>Lưu ý:</u>**
   (a) Quý vị Cổ đông (hoặc người được ủy quyền) khi tham dự Đại Hội Bất Thường cần mang theo CCCD/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu còn hiệu lực. Trường hợp ủy quyền,

mang theo văn bản ủy quyền (theo mẫu đính kèm hoặc văn bản có đủ nội dung theo quy định) để làm thủ tục kiểm tra tư cách đại biểu.

(b) Toàn bộ tài liệu cuộc họp được cập nhật trên website: *www.vietcat.com*

Rất mong Quý vị Cổ đông thu xếp thời gian tới dự đầy đủ và đúng giờ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- *Như kính gửi; và*
- *Lưu PC; KSNB*

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CAT

NGUYỄN VIỆT ANH

VFC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ CỦA TPBANK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

Ban Tổ Chức Đại Hội của Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát ("**VFC**") kính gửi Quý vị cổ đông Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 ("**Đại Hội Bất Thường**") cụ thể như sau:

1. Thời gian tổ chức cuộc họp: Từ 8h00, ngày 14.../.12.../2026.
2. Địa điểm: Tầng 11, Toà nhà Doji Tower, Số 05 Đường Lê Duẩn, Phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội.
3. Hình thức họp: Họp trực tiếp
4. Chương trình và nội dung họp:

Thời gian	Nội dung họp
8h00 – 8h30	Đón tiếp đại biểu và cổ đông.
	Kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu họp cho cổ đông.
8h30 – 9h00	Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và cổ đông.
	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại Hội Bất Thường.
	Giới thiệu và biểu quyết thông qua: - Ban Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu. - Chương trình Đại Hội Bất Thường.
09h – 10h30	*Các nội dung trình Đại Hội Bất Thường thông qua:
	Nội dung 1: Thông qua quy chế làm việc tại Đại Hội Bất Thường được tổ chức theo Quy chế thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 25/06/2024 đính kèm Tờ trình số ...05.../2026/TTr-HĐQT ngày ....20..../...11..../2026
	Nội dung 2: Thông qua Quy chế thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được ban hành kèm theo Tờ trình số ...05...../2026/TTr-HĐQT ngày ..20..../..11.../2026.

	Nội dung 3: Thông qua việc thay đổi tên Công ty.
	Nội dung 4: Thông qua (việc) (i) sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty theo Tờ trình số ....05../2026/TTr-HĐQT ngày ..20../...11../2026. và (ii) toàn văn Điều lệ sửa đổi của Công ty đính kèm Tờ trình đó.
	Nội dung 5: Thông qua việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định/chấp thuận và thực hiện một số công việc.
	Những vấn đề quan trọng khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VFC (nếu có).
	Thảo luận và trả lời câu hỏi.
	Cổ đông thực hiện biểu quyết.
10h30 – 11h10	Kiểm phiếu biểu quyết.
	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại Hội Bất Thường.
	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại Hội Bất Thường.
11h10 - 11h30	Bế mạc Đại Hội Bất Thường.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

NGUYỄN VIỆT ANH
CHỦ TỊCH HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .04./2026/Ttr-HĐQT-VFC
V/v: Thông qua việc thay đổi tên Công ty

Hà Nội, ngày 20. tháng 11. năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc thay đổi tên Công ty

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát**

Căn cứ:

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.*
- *Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung.*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát.*
- *Căn cứ Hợp đồng sử dụng nhãn hiệu và chấp thuận sử dụng tên riêng "**Tiên Phong**" số ...../2026/HĐLX-TPB-VFC ngày ...../...../2026 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và Công ty.*
- *Căn cứ Nghị quyết số ...12.../2026/NQ-HĐQT ngày ...20... tháng ...11... năm 2026 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua các nội dung họp trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026.*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("**Công ty**" hoặc "**VFC**") kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc thay đổi tên Công ty với các nội dung sau:

I. Sự Cần Thiết Thay Đổi Tên Công Ty

1. Về bối cảnh: Công ty là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("**TPBank**"), hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 25/01/2008. Trong định hướng phát triển hệ sinh thái tài chính của TPBank, việc thống nhất nhận diện thương hiệu giữa các công ty thành viên là yêu cầu quan trọng

2. Về lợi ích: Việc thay đổi tên Công ty gắn với tên riêng "Tiên Phong" giúp khẳng định vị thế của Công ty là thành viên hệ sinh thái TPBank, nâng cao mức độ nhận diện và niềm tin của nhà đầu tư, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp tác, phân phối sản phẩm trong hệ sinh thái.

3. Về cơ sở pháp lý: Theo khoản 1 Điều 15 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, doanh nghiệp được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu đã được bảo hộ của tổ chức khác để cấu thành tên riêng khi được chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản. TPBank, với tư cách chủ sở hữu tên thương mại có tên riêng "Tiên Phong", đã chấp thuận cho Công ty sử dụng tên riêng này theo Hợp đồng sử dụng nhãn hiệu và chấp thuận sử dụng tên riêng "Tiên Phong" nêu tại phần căn cứ.

4. Về kết quả rà soát: Công ty đã tra cứu trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Tên dự kiến không trùng và không gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp đã đăng ký. Công ty cũng đã trao đổi sơ bộ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tên dự kiến.

II. Nội Dung Thay Đổi Tên Công Ty

1. <u>Tên hiện tại:</u>
   - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT.**
   - Tên tiếng Anh: **VIETNAM FORTUNE FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY**
   - Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**
   - Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **VIETNAM FORTUNE CAPITAL**
   - Tên viết tắt: **VFC.INC**

2. <u>Tên mới:</u>
   - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG.**
   - Tên tiếng Anh: **TIEN PHONG CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY.**
   - Tên viết tắt: **TPCapital**
   - Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **TPCapital**

3. Các nội dung không thay đổi: Việc thay đổi tên không làm thay đổi tư cách pháp nhân, mã số doanh nghiệp, vốn điều lệ, cơ cấu sở hữu, địa chỉ trụ sở chính, nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép và các quyền, nghĩa vụ của Công ty. Các hợp đồng, giao dịch, cam kết mà Công ty đã ký kết với khách hàng, nhà đầu tư, đối tác tiếp tục có hiệu lực theo tên mới.

4. Sửa đổi Điều lệ: Nội dung về tên Công ty tại Điều lệ được sửa đổi tương ứng theo Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp này.

III. Hiệu Lực Và Kế Hoạch Triển Khai

1. Tên mới của Công ty có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động ghi nhận việc thay đổi tên. Trước thời điểm này, Công ty tiếp tục sử dụng tên hiện tại.

2. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty dự kiến triển khai các công việc sau:

   a) Lập hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật.

   b) Công bố thông tin về việc thay đổi tên theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

   c) Thông báo cho khách hàng, nhà đầu tư, ngân hàng giám sát, đại lý phân phối, đối tác và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

   d) Cập nhật con dấu, biển hiệu, website, ấn phẩm, mẫu biểu, hợp đồng và tài liệu của các quỹ, sản phẩm do Công ty quản lý, áp dụng bộ nhận diện thương hiệu mới theo Quy chuẩn nhận diện của TPBank.

IV. Kiến Nghị

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc thay đổi tên Công ty theo nội dung tại Mục II Tờ trình này, có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh ghi nhận việc thay đổi tên.

2. Sửa đổi Điều lệ: Thông qua sửa đổi nội dung về tên Công ty trong Điều lệ tương ứng với việc thay đổi tên Công ty nêu trên. Chi tiết sửa đổi nội dung về tên Công ty tại Điều lệ được nêu tại Tờ trình Đại hội đồng cổ đông về sửa đổi, bổ sung Điều lệ kèm theo tài liệu cuộc họp này.

3. Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị:

   a) Tổ chức thực hiện các thủ tục thay đổi tên Công ty tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thay đổi con dấu của Công ty phù hợp với giấy phép đã được cấp, công bố thông tin và triển khai các công việc nêu tại Mục III Tờ trình này.

   b) Điều chỉnh tên tiếng Anh, tên viết tắt hoặc câu chữ liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), với điều kiện giữ nguyên tên riêng "Tiên Phong" và không trái với chấp thuận của TPBank.

c) Hội đồng Quản trị được giao lại cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người đại diện theo ủy quyền của Công ty thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- *Như trên.*
- *Thành viên HĐQT, BKS.*
- *Lưu: VT, Pháp chế.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

NGUYỄN VIỆT ANH

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

(Được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên khai mạc ngày 14/12/2026)

Căn cứ:

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát.*
- *Căn cứ Nghị quyết số 11../2026/NQ-HĐQT-VFC ngày ..30../..10../2026 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026.*
- *Căn cứ Nghị quyết số 12../2026/NQ-HĐQT-VFC ngày ..20../..11../2026 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức, điều hành, thảo luận, biểu quyết, kiểm phiếu và lập biên bản, nghị quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("**Đại hội**" và "**Công ty**").
2. Quy chế này áp dụng đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, khách mời và các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức Đại hội.
3. Những nội dung khác không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 2. Điều kiện tham dự và tiến hành Đại hội

1. Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp lập theo ngày đăng ký cuối cùng 20/11/2026 có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.
2. Việc ủy quyền phải lập thành văn bản theo mẫu Công ty cung cấp hoặc văn bản có đủ nội dung theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông là tổ chức tham dự thông qua người đại diện theo ủy quyền. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác, trừ trường hợp văn bản ủy quyền cho phép việc ủy quyền lại.
3. Đại biểu xuất trình Căn cước, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực, văn bản ủy quyền (nếu có) khi đăng ký tham dự.
4. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của đại biểu

1. Đại biểu được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc chương trình họp theo số phiếu biểu quyết mình sở hữu hoặc đại diện, được nhận tài liệu họp và Phiếu biểu quyết.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của VFC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu chưa được sự cho phép của VFC

2. Đại biểu đến muộn được đăng ký và tham gia biểu quyết các vấn đề chưa biểu quyết sau khi đăng ký. Hiệu lực của những nội dung đã biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Đại biểu tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, giữ trật tự, không ghi âm, ghi hình cuộc họp khi chưa được Chủ tọa chấp thuận.

Điều 4. Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa Đại hội theo khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp. Chủ tọa điều hành Đại hội theo chương trình đã được thông qua, giải quyết các vấn đề phát sinh và có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để Đại hội diễn ra có trật tự, đúng pháp luật.

2. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký. Thư ký ghi chép đầy đủ, trung thực diễn biến Đại hội, tiếp nhận câu hỏi của đại biểu và dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng Quản trị thành lập, có nhiệm vụ kiểm tra tư cách đại biểu, phát tài liệu, Phiếu biểu quyết và báo cáo Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

4. Ban kiểm phiếu do Đại hội bầu theo đề nghị của Chủ tọa, có nhiệm vụ hướng dẫn biểu quyết, thu phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả. Thành viên Ban kiểm phiếu bảo đảm độc lập, khách quan.

Điều 5. Thảo luận

1. Đại biểu thảo luận trong phạm vi các vấn đề thuộc chương trình họp, trong thời gian do Chủ tọa bố trí.

2. Đại biểu muốn phát biểu đăng ký với Thư ký hoặc giơ tay biểu quyết và phát biểu khi được Chủ tọa mời. Nội dung phát biểu ngắn gọn, đúng trọng tâm, không trùng lặp.

3. Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa chỉ định trả lời ý kiến của đại biểu. Câu hỏi chưa được trả lời tại Đại hội được Công ty trả lời bằng văn bản hoặc phương thức phù hợp sau Đại hội.

Điều 6. Thể thức biểu quyết

1. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Mỗi đại biểu được cấp một Phiếu biểu quyết và một Phiếu biểu quyết có đóng dấu treo của Công ty, ghi mã cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết.

2. Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết các vấn đề thủ tục tại phiên khai mạc, gồm bầu Ban kiểm phiếu, thông qua Chương trình họp, Quy chế làm việc và các vấn đề thủ tục khác do Chủ tọa đề nghị. Đại biểu giơ tay biểu quyết lần lượt theo các phương án Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

3. Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết 04 nội dung thuộc chương trình họp. Đối với từng nội dung, đại biểu đánh dấu "X" vào một trong ba ô Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến, ký, ghi rõ họ tên và nộp cho Ban kiểm phiếu.

4. Phiếu biểu quyết không hợp lệ đối với riêng nội dung không được đánh dấu hoặc được đánh dấu từ hai ô trở lên. Các nội dung khác trên Phiếu vẫn được tính nếu biểu quyết hợp lệ.

5. Toàn bộ Phiếu biểu quyết không hợp lệ trong các trường hợp sau:

   a) Phiếu không do Ban tổ chức phát hành, không theo mẫu hoặc không có dấu treo của Công ty.

   b) Phiếu không có chữ ký và họ tên của đại biểu.

   c) Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa hoặc ghi thêm nội dung không theo hướng dẫn.

   d) Phiếu nộp sau thời điểm kết thúc thu phiếu do Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của VFC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu chưa được sự cho phép của VFC

6. Đại biểu ghi sai Phiếu biểu quyết nhưng chưa nộp được đổi Phiếu mới tại Ban kiểm phiếu và nộp lại Phiếu cũ. Ban kiểm phiếu thu hồi, đánh dấu hủy Phiếu cũ.

Điều 7. Điều kiện thông qua nghị quyết

1. Các nội dung thuộc chương trình họp, gồm thông qua Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông, thay đổi tên Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ và giao, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội tán thành, theo khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Các vấn đề thủ tục biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết được thông qua theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Kiểm phiếu và công bố kết quả

1. Ban kiểm phiếu kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc thu phiếu, dưới sự giám sát của đại diện cổ đông (nếu có).
2. Biên bản kiểm phiếu ghi rõ đối với từng nội dung tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
3. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước khi bế mạc Đại hội. Khiếu nại về kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa giải quyết tại Đại hội và ghi vào Biên bản.

Điều 9. Biên bản và Nghị quyết Đại hội

1. Diễn biến Đại hội được ghi vào Biên bản theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp. Biên bản và Nghị quyết được lập xong, đọc trước Đại hội và thông qua trước khi bế mạc.
2. Chủ tọa và Thư ký ký Biên bản, liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản. Chủ tọa ký Nghị quyết thay mặt Đại hội.
3. Biên bản, Nghị quyết được công bố thông tin và gửi cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Bảo đảm trật tự và hoãn họp

Chủ tọa có quyền yêu cầu người dự họp tuân thủ các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự hợp lý và hoãn họp trong các trường hợp, thời hạn theo Điều 146 Luật Doanh nghiệp. Các biện pháp này không được ảnh hưởng bất hợp lý đến quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết của cổ đông.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 11 Điều, có hiệu lực kể từ khi được Đại hội thông qua tại phiên khai mạc và chỉ áp dụng cho Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026.
2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền, Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

NGUYỄN VIỆT ANH

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của VFC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu chưa được sự cho phép của VFC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của VFC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu chưa được sự cho phép của VFC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ CỦA TPBANK

Số: .05./2026/TTr-HĐQT-VFC
V/v: Thông qua Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hà Nội, ngày 20. tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

Căn cứ:

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát.*

  *Căn cứ Nghị quyết số .12../2026/NQ-HĐQT ngày 20.. tháng 11.. năm 2026 của Hội đồng Quản trị về việc triệu thông qua các nội dung họp trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026, ("**Đại Hội Bất Thường**").*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("**Công ty**") kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông với các nội dung sau:

I. Sự Cần Thiết Ban Hành Quy Chế

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/04/2021. Ngày 25/06/2024, Tổng Giám đốc Công ty ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-TGĐ, và quy chế này thay thế các quy định trước đó.

2. Qua rà soát, Hội đồng Quản trị nhận thấy các văn bản nêu trên có một số điểm cần hoàn thiện, cụ thể như sau:

   a) Về thẩm quyền ban hành: Quy chế điều chỉnh trình tự tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, việc thông qua, sửa đổi, bổ sung quy chế này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Do đó, việc ban hành và giao thẩm quyền sửa đổi quy chế bằng quyết định của Tổng Giám đốc chưa bảo đảm phù hợp với nguyên tắc phân cấp, phân quyền trong quản trị công ty theo quy định của pháp luật.

   b) Về nội dung: quy chế hiện hành chưa quy định đầy đủ thể thức tham dự, biểu quyết, kiểm phiếu, lập biên bản và nghị quyết. Một số quy định chưa phù hợp với Luật Doanh nghiệp

năm 2020, Luật Căn cước năm 2023 và Điều lệ Công ty, đồng thời chưa có cơ sở để tổ chức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

3. Về yêu cầu ban hành Quy chế mới: Để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, đồng bộ với Điều lệ Công ty sửa đổi được trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp này và tham chiếu thông lệ quản trị công ty, Hội đồng Quản trị đã xây dựng Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông mới thay thế các văn bản nêu trên.

II. Nguyên Tắc Và Nội Dung Chính Của Quy Chế

1. Quy chế được xây dựng theo hướng tinh gọn, phù hợp với quy mô và hoạt động của Công ty. Quy chế chỉ quy định thể thức tham dự, điều hành cuộc họp, biểu quyết, bầu cử, kiểm phiếu, lập biên bản và nghị quyết. Các nội dung đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ quy định (triệu tập họp, danh sách cổ đông, quyền kiến nghị, thông báo mời họp, điều kiện tiến hành họp, điều kiện thông qua nghị quyết và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) được dẫn chiếu, không quy định lặp lại.

2. Quy chế gồm 05 Chương, 20 Điều và 01 Phụ lục, cụ thể:

   a) Chương I. Quy định chung (Điều 1 đến Điều 4): phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc áp dụng.

   b) Chương II. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 5 đến Điều 7): ủy quyền dự họp, các hình thức tham dự và biểu quyết (trực tiếp, trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, gửi phiếu biểu quyết), thủ tục đăng ký tham dự.

   c) Chương III. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 8 đến Điều 13): Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, quyền và nghĩa vụ của Đại biểu, trình tự tiến hành cuộc họp, thảo luận, bảo đảm trật tự và hoãn họp.

   d) Chương IV. Biểu quyết, bầu cử, biên bản và nghị quyết (Điều 14 đến Điều 17): thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu không hợp lệ, bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, kiểm phiếu, công bố kết quả, biên bản họp, nghị quyết và lưu trữ.

   đ) Chương V. Điều khoản thi hành (Điều 18 đến Điều 20): hiệu lực thi hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế và tổ chức thực hiện.

   e) Phụ lục 01: Mẫu văn bản ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

III. Hiệu Lực Và Phạm Vi Áp Dụng

1. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các lần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được triệu tập kể từ ngày này.

2. Quy chế thay thế Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/04/2021. Kể từ ngày Quy chế có hiệu lực, Quyết định số 07/2024/QĐ-TGĐ ngày 25/06/2024 của Tổng Giám đốc và Quy chế ban hành kèm theo Quyết định đó chấm dứt hiệu lực.

3. Việc thay thế nêu trên không ảnh hưởng đến hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua hợp lệ trước ngày Quy chế có hiệu lực.

4. Trường hợp Công ty thay đổi tên, Quy chế tiếp tục áp dụng đối với Công ty với tên mới mà không phải ban hành lại.

5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 được tổ chức và điều hành theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên khai mạc.

IV. Kiến Nghị

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua toàn văn Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo dự thảo đính kèm Tờ trình này, với hiệu lực và phạm vi áp dụng nêu tại Mục III Tờ trình.

2. Giao Chủ tọa cuộc họp ký Nghị quyết thông qua Quy chế. Giao Hội đồng Quản trị tổ chức triển khai, thực hiện công bố thông tin và cập nhật hệ thống văn bản quản trị nội bộ của Công ty theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Tài liệu đính kèm:

- Dự thảo Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Phụ lục: Bảng tóm tắt rà soát Quy chế hiện hành và nội dung Dự thảo Quy chế.

Nơi nhận:
- Như trên.
- Thành viên HĐQT, BKS.
- Lưu: VT, Pháp chế.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

NGUYỄN VIỆT ANH

DỰ THẢO

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../2026/NQ-ĐHĐCĐ-VFC ngày ... tháng ... năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát)

Căn cứ:

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế; và*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát.*

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("**VFC**") hoặc ("**Công ty**") ban hành Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông với các nội dung sau đây:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc tổ chức, điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; quyền và nghĩa vụ của cổ đông; trình tự thảo luận, biểu quyết, bầu cử, kiểm phiếu, lập biên bản và thông qua nghị quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và khách mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người Quản lý khác của Công ty.
3. Ban tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, Thư ký cuộc họp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "**Công ty**" là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, bao gồm cả trường hợp Công ty thay đổi tên theo quy định của pháp luật.
2. "**Đại hội đồng cổ đông**" là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. "Cuộc họp" hoặc "Đại hội" là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.

3. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế khác có liên quan.
4. "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế khác có liên quan.
5. "**Điều lệ**" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đang có hiệu lực.
6. "**Đại biểu**" là cổ đông có quyền dự họp hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đã hoàn tất thủ tục đăng ký tham dự họp, bao gồm cả trường hợp cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết theo các hình thức quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy chế này.
7. "**Người triệu tập**" là Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
8. "**Hình thức điện tử**" là việc tham dự, thảo luận và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc phương tiện điện tử khác theo Điều 6 Quy chế này.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc triệu tập, tổ chức họp và thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục và đối xử công bằng giữa các cổ đông.
2. Trình tự, thủ tục triệu tập họp, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, chương trình họp và quyền kiến nghị của cổ đông, thông báo mời họp và tài liệu họp, điều kiện tiến hành họp, hình thức và điều kiện thông qua nghị quyết, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp của cổ đông hoặc nhóm cổ đông và trách nhiệm của Người triệu tập trong việc xem xét, trả lời kiến nghị được thực hiện theo Điều 115, 142 Luật Doanh nghiệp và quy định tương ứng trong Điều lệ Công ty.

   Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử tại từng cuộc họp do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên khai mạc của cuộc họp đó, phù hợp với Quy chế này.
3. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn, thi hành có liên quan và Điều lệ.
4. Trường hợp các quy định của Quy chế này khác với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ thì áp dụng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng quy định mới của pháp luật cho đến khi Quy chế này được sửa đổi tương ứng.
5. Công ty thực hiện các quy định về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Thông tư số 99/2020/TT-BTC và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng hoặc thuộc trường hợp pháp luật yêu cầu áp dụng quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng thì Công ty thực hiện bổ sung các quy định tương ứng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn có liên quan.

CHƯƠNG II
THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Ủy quyền dự họp

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp theo hình thức quy định tại Điều 6 Quy chế này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người.

   Trường hợp cổ đông ủy quyền cho nhiều người đại diện thì tổng số cổ phần được phân bổ cho những người đại diện không được vượt quá tổng số cổ phần mà cổ đông đó có quyền biểu quyết

tại cuộc họp. Mỗi người đại diện chỉ được thực hiện quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần được phân bổ trong phạm vi ủy quyền cho mình.

2. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung, phạm vi, thời hạn ủy quyền và có chữ ký của bên ủy quyền hoặc người đai diện theo pháp luật của Bên ủy quyền là tổ chứcCổ đông có thể sử dụng mẫu tại Phụ lục 01 Quy chế này hoặc văn bản khác có đủ các nội dung nêu trên.

3. Người được ủy quyền phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Đối với cổ đông là tổ chức, người dự họp xuất trình văn bản cử người đại diện theo ủy quyền theo Điều 14 Luật Doanh nghiệp hoặc tài liệu chứng minh tư cách người đại diện theo pháp luật. Trường hợp ủy quyền lại, người dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty.

   Trường hợp văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức hoặc văn bản ủy quyền đã được Công ty tiếp nhận, lưu giữ trước đó và còn hiệu lực thì người dự họp không phải xuất trình lại, trừ trường hợp có thay đổi hoặc phát sinh nghi ngờ về tính hợp lý, hợp lệ của văn bản theo toàn quyền quyết định của Công ty.

4. Việc chấm dứt, hủy bỏ, thay đổi hoặc thu hồi ủy quyền dự họp được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. Công ty có trách nhiệm ghi nhận việc chấm dứt, thay đổi hoặc thu hồi ủy quyền kể từ thời điểm nhận được thông báo hợp lệ hoặc thời điểm Công ty nhận được thông báo hợp lệ hoặc tài liệu chứng minh sự kiện làm chấm dứt đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Trường hợp cổ đông trực tiếp đến dự họp sau khi đã ủy quyền cho người khác, Công ty có quyền yêu cầu kiểm tra việc thay đổi, chấm dứt hoặc thu hồi ủy quyền. Nếu cổ đông có thông báo hợp lệ về việc chấm dứt hoặc thu hồi ủy quyền tại cuộc họp thì cổ đông được trực tiếp tham dự và thực hiện quyền biểu quyết đối với số cổ phần tương ứng. Kết quả biểu quyết mà người được ủy quyền đã thực hiện trong phạm vi được ủy quyền trước thời điểm Công ty nhận được thông báo hợp lệ nêu trên được giữ nguyên. Mỗi cổ phần chỉ được quyền biểu quyết một lần đối với từng vấn đề cần biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 6. Hình thức tham dự và biểu quyết

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

   b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến.

   d) Tham dự và biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

   đ) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Người triệu tập quyết định hình thức tổ chức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến phù hợp với Điều lệ Công ty, điều kiện kỹ thuật và khả năng bảo đảm quyền tham dự, thảo luận, biểu quyết của cổ đông; hình thức tổ chức họp phải được thông báo rõ ràng trong thông báo mời họp.

3. Hệ thống họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải bảo đảm xác thực được danh tính Đại biểu, cho phép Đại biểu theo dõi diễn biến, phát biểu và biểu quyết theo thời gian thực, ghi nhận và lưu trữ kết quả biểu quyết, bảo mật kết quả bỏ phiếu cho đến khi kiểm phiếu và có phương án dự phòng khi xảy ra sự cố kỹ thuật. Công ty phải có biện pháp lưu trữ dữ liệu xác thực đăng nhập,

thời điểm tham dự, nội dung biểu quyết và kết quả ghi nhận của hệ thống để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu và giải quyết khiếu nại, tranh chấp nếu có phát sinh.

4. Phiếu biểu quyết điện tử hợp lệ khi được gửi bằng tài khoản do Công ty cấp, trong thời hạn bỏ phiếu và có đủ nội dung theo yêu cầu của hệ thống. Kết quả được ghi nhận theo lần bỏ phiếu cuối cùng trước thời điểm đóng hệ thống.
5. Phiếu biểu quyết gửi qua thư, fax, thư điện tử hoặc phương thức gửi khác theo quy định tại Quy chế này phải đến địa chỉ tiếp nhận do Công ty thông báo trong thời hạn quy định tại Thông báo mời họp. Công ty phải bảo đảm việc tiếp nhận, xác nhận thời điểm nhận và bảo mật phiếu biểu quyết cho đến thời điểm kiểm phiếu. Phiếu gửi qua thư phải được đựng trong phong bì dán kín. Phiếu gửi qua fax, thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
6. Cổ đông đã gửi phiếu biểu quyết hoặc thực hiện biểu quyết điện tử trước cuộc họp nhưng sau đó trực tiếp tham dự họp được quyền thay đổi ý kiến biểu quyết đối với nội dung chưa được Đại hội biểu quyết hoặc chưa kết thúc thời hạn biểu quyết, với điều kiện thông báo cho Ban tổ chức trước thời điểm kết thúc biểu quyết nội dung tương ứng. Kết quả biểu quyết sau cùng được ghi nhận là kết quả hợp lệ.
7. Trường hợp sự cố kỹ thuật làm gián đoạn hoặc ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tham dự, thảo luận hoặc biểu quyếtc của cổ đông tham dự theo hình thức trực tuyến, Chủ tọa phải xem xét tạm dừng cuộc họp để khắc phục sự cố, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. Nếu không khắc phục được, Chủ tọa thực hiện hoãn họp theo Điều 13 Quy chế này và quy định của Luật Doanh nghiệp.
8. Cổ đông tham dự trực tiếp, trực tuyến, thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc gửi phiếu biểu quyết hợp lệ theo Điều 6 Quy chế này được xác định là cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Mỗi cổ phần chỉ được tính một lần khi xác định tổng số phiếu biểu quyết tham dự.

Điều 7. Đăng ký tham dự họp

1. Trước khi khai mạc, Công ty phải thực hiện việc đăng ký cổ đông dự họp cho đến khi hoàn thành việc đăng ký tất cả cổ đông có quyền dự họp có mặt theo trình tự sau đây:
   a) Cổ đông là cá nhân xuất trình thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.
   b) Người đại diện của cổ đông là tổ chức xuất trình giấy tờ pháp lý của cá nhân và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền hoặc tài liệu chứng minh tư cách người đại diện theo pháp luật.
   c) Người được ủy quyền dự họp xuất trình giấy tờ pháp lý của cá nhân và văn bản ủy quyền theo Điều 5 Quy chế này.
2. Sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, Đại biểu được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và tài liệu họp. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử ghi mã số Đại biểu và số phiếu biểu quyết của Đại biểu đó.
3. Việc đăng ký đối với Đại biểu tham dự theo hình thức điện tử được thực hiện bằng việc đăng nhập hệ thống bằng tài khoản do Công ty cấp trong thời hạn ghi tại thông báo mời họp.
4. Đại biểu đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để Đại biểu đến muộn đăng ký. Hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc, thì Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) làm Chủ tọa. Trường hợp không có Phó chủ tịch HĐQT thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa.
2. Trường hợp Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập họp, người ký tên trên văn bản triệu tập họp có trách nhiệm điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa. Người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa.
3. Chủ tọa có thể đề cử một hoặc một số người cùng điều hành cuộc họp để thành lập Đoàn Chủ tịch. Thành phần Đoàn Chủ tịch do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua trong phiên khai mạc. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể. Đoàn Chủ tịch chỉ thực hiện nhiệm vụ điều hành cuộc họp; không thay thế thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ phải được đưa ra Đại hội biểu quyết theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Chủ tọa có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a) Điều hành cuộc họp theo chương trình, nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo Quy chế này.
   b) Hướng dẫn Đại biểu thảo luận, trả lời hoặc chỉ định người trả lời câu hỏi của Đại biểu.
   c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.
   d) Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng chương trình đã được thông qua, bảo đảm quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết hợp pháp của tất cả cổ đông.
   đ) Hoãn họp theo Điều 13 Quy chế này và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình diễn ra cuộc họp.

Điều 9. Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu

1. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp. Thư ký ghi chép đầy đủ, trung thực diễn biến cuộc họp, tiếp nhận câu hỏi của Đại biểu, dự thảo biên bản họp, nghị quyết và thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tọa. Trường hợp Thư ký không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hoặc không bảo đảm nhiệm vụ, Chủ tọa có quyền cử người thay thế. Việc thay đổi Thư ký phải được ghi nhận trong biên bản cuộc họp.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm tối thiểu 02 (hai) thành viên do Người triệu tập thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra tư cách Đại biểu, đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp, phát tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, tỷ lệ tham dự tại thời điểm khai mạc và cập nhật, báo cáo khi có thay đổi ảnh hưởng đến số lượng cổ đông hoặc tổng số phiếu biểu quyết tham dự.
3. Ban kiểm phiếu gồm một hoặc một số người do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu không được là ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên tại cuộc họp đó. Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách thức biểu quyết, thu phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, báo cáo các trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử và bàn giao phiếu, biên bản kiểm phiếu, dữ liệu bỏ phiếu điện tử cho Thư ký để lưu trữ.

Thành viên Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính độc lập, khách quan; không tham gia kiểm phiếu đối với nội dung mà mình có quyền lợi hoặc lợi ích liên quan trực tiếp có khả năng ảnh hưởng đến tính khách quan của việc kiểm phiếu. Trường hợp phát hiện Thành viên Ban kiểm phiếu có xung đột lợi ích, Chủ tọa phải đề xuất ĐHĐCĐ bầu người thay thế.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu

1. Đại biểu có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc chương trình họp theo số phiếu biểu quyết mà mình sở hữu hoặc đại diện, được cung cấp đầy đủ tài liệu họp, kiến nghị, chất vấn, yêu cầu giải trình về các vấn đề trong chương trình họp và các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
2. Đại biểu đại diện cho Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Việc hành xử (từ chối hoặc chấp nhận) đối với kiến nghị được thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Đại biểu có nghĩa vụ hoàn tất thủ tục đăng ký, tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và hướng dẫn của Ban tổ chức, giữ trật tự; không cản trở hoặc làm gián đoạn cuộc họp; không ghi âm, ghi hình, phát trực tiếp cuộc họp khi chưa được Chủ tọa chấp thuận, trường hợp được Chủ tọa chấp thuận, không được sử dụng việc ghi âm, ghi hình để gây cản trở hoặc làm gián đoạn cuộc họp; bảo mật tài khoản truy cập hệ thống điện tử và bảo mật thông tin chưa được công bố mà mình biết được tại cuộc họp.

Điều 11. Trình tự tiến hành cuộc họp

Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, cuộc họp được tiến hành theo trình tự sau đây:

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và tỷ lệ tham dự. Căn cứ báo cáo này, Chủ tọa xác định điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 145 Luật Doanh nghiệp.
2. Giới thiệu Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch (nếu có), Thư ký và biểu quyết bầu Ban kiểm phiếu.
3. Biểu quyết thông qua chương trình họp, Quy chế làm việc tại cuộc họp và Quy chế bầu cử (nếu có). Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định thời gian dự kiến đối với từng vấn đề trong nội dung họp và phải được ĐHĐCĐ thông qua tại phiên khai mạc.
4. Trình bày các báo cáo, tờ trình theo chương trình đã được thông qua.
5. Thảo luận theo Điều 12 Quy chế này.
6. Biểu quyết, bầu cử, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu.
7. Thông qua biên bản họp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
8. Bế mạc và kết thúc phiên họp.

Điều 12. Thảo luận tại cuộc họp

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và trong phạm vi các vấn đề thuộc chương trình họp đã được thông qua. Đại biểu có quyền yêu cầu giải trình, làm rõ các thông tin và vấn đề liên quan trực tiếp đến nội dung đang được thảo luận, biểu quyết.
2. Đại biểu muốn phát biểu phải đăng ký với Thư ký hoặc giơ Thẻ biểu quyết và chỉ phát biểu khi được Chủ tọa mời. Đại biểu tham dự trực tuyến gửi câu hỏi qua chức năng của hệ thống. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, đúng trọng tâm và không trùng lặp.
3. Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa chỉ định trả lời ý kiến của Đại biểu. Đối với câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại cuộc họp, Công ty xem xét trả lời bằng văn bản hoặc thông qua phương thức phù hợp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc, trừ trường hợp câu hỏi liên quan

đến thông tin thuộc diện bảo mật theo quy định pháp luật hoặc Công ty không có nghĩa vụ cung cấp theo quy định pháp luật.

Điều 13. Bảo đảm trật tự và hoãn họp

1. Người triệu tập hoặc Chủ tọa có quyền yêu cầu người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp và trục xuất ra khỏi cuộc họp những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ yêu cầu về kiểm tra an ninh.

   Việc áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự nêu trên phải bảo đảm không được làm ảnh hưởng một cách bất hợp lý đến quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết hợp pháp của cổ đông.

2. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) Ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

   a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

   b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp hoặc hệ thống trực tuyến không bảo đảm cho Đại biểu tham gia, thảo luận và biểu quyết.

   c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

3. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp trái với quy định tại khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc. Tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV
BIỂU QUYẾT, BẦU CỬ, BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT

Điều 14. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và cách thức biểu quyết

1. Mỗi cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp Công ty có cổ phần ưu đãi biểu quyết và Điều lệ Công ty hoặc pháp luật có quy định khác đối với quyền biểu quyết của cổ phần ưu đãi biểu quyết đó. Mỗi Đại biểu được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết, trên đó ghi mã số Đại biểu và tổng số phiếu biểu quyết mà Đại biểu sở hữu hoặc đại diện.

2. Thẻ biểu quyết được sử dụng để biểu quyết các vấn đề về thủ tục tại cuộc họp, gồm thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu, chương trình họp, Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử và các vấn đề thủ tục khác phát sinh cần thông qua ngay tại cuộc họp. Đại biểu biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết lần lượt theo các phương án Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến. Ban kiểm phiếu ghi nhận mã số và số phiếu biểu quyết của Đại biểu theo từng phương án. Trường hợp Đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết đối với một vấn đề thì được ghi nhận là không tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác. Nghị quyết được thông qua theo tỷ lệ quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Tỷ lệ được tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp, bao gồm cả phiếu không hợp lệ, phiếu không có ý kiến và số phiếu của cổ đông dự họp nhưng không tham gia biểu quyết.

3. Phiếu biểu quyết được sử dụng để biểu quyết các nội dung thuộc chương trình họp, bao gồm thông qua biên bản họp và nghị quyết. Đại biểu đánh dấu vào một trong ba phương án Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến đối với từng vấn đề, ký, ghi rõ họ tên và nộp theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu không được đánh dấu phương án nào đối với một vấn đề được tính là Không có ý kiến đối với vấn đề đó.

4. Phiếu biểu quyết không hợp lệ trong các trường hợp sau đây:
   a) Phiếu không do Ban tổ chức phát hành hoặc không theo mẫu do Ban tổ chức cung cấp.
   b) Phiếu không có chữ ký và họ tên của Đại biểu.
   c) Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa hoặc ghi thêm nội dung không theo hướng dẫn.
   d) Phiếu được nộp sau thời điểm kết thúc việc thu phiếu đã được Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.
   đ) Phiếu gửi qua thư bị mở trước khi kiểm phiếu; phiếu gửi qua fax, thư điện tử bị tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu.

   Phiếu đánh dấu từ hai phương án trở lên đối với cùng một vấn đề chỉ không hợp lệ đối với vấn đề đó.
5. Đại biểu ghi sai Phiếu biểu quyết nhưng chưa nộp có quyền đổi phiếu mới tại Ban kiểm phiếu và nộp lại phiếu cũ. Ban kiểm phiếu phải thu hồi, đánh dấu hủy phiếu cũ và chỉ ghi nhận phiếu mới được Đại biểu nộp hợp lệ.

Điều 15. Đề cử, ứng cử và bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS, tiêu chuẩn, điều kiện của ứng cử viên và phương thức bầu cử được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật về tổ chức, hoạt động của công ty quản lý quỹ và Điều lệ. Việc đề cử, ứng cử phải bảo đảm quyền của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Phiếu bầu cử không hợp lệ khi tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của Đại biểu, ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên, không do Ban tổ chức phát hành, không có chữ ký của Đại biểu hoặc bị gạch xóa, sửa chữa không theo hướng dẫn. Phiếu có tổng số phiếu bầu nhỏ hơn tổng số phiếu bầu của Đại biểu vẫn hợp lệ.
3. Thể lệ bầu cử chi tiết tại từng cuộc họp được quy định tại Quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc, phù hợp với Quy chế này.

Điều 16. Kiểm phiếu và công bố kết quả

1. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu đối với từng nội dung hoặc toàn bộ nội dung theo theo phương án tổ chức biểu quyết đã được công bố tại cuộc họp.
2. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ đối với từng vấn đề: Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, không hợp lệ, số và tỷ lệ phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến, số phiếu không tham gia biểu quyết (nếu có), phương thức biểu quyết và kết luận vấn đề được thông qua hay không được thông qua.
3. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa phân công công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Đại biểu có quyền phản ánh, khiếu nại về kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp hoặc bằng văn bản sau khi kết thúc cuộc họp theo quy định pháp luật. Chủ tọa xem xét, giải quyết các khiếu nại tại cuộc họp và ghi nhận nội dung khiếu nại, kết quả giải quyết vào biên bản. Việc khiếu nại, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 17. Biên bản họp, nghị quyết và lưu trữ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Nội dung, việc ký và trách nhiệm đối với biên bản họp thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Biên bản họp phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

2. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua trên cơ sở kết quả biểu quyết hợp lệ tại cuộc họp và được Chủ tọa ký xác nhận. Trường hợp Chủ tọa từ chối ký biên bản họp thì việc xử lý được thực hiện theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết có hiệu lực theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

   Biên bản họp phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua. Việc gửi có thể thực hiện bằng phương thức phù hợp theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

3. Công ty thực hiện công bố thông tin, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan có thẩm quyền về nghị quyết, biên bản họp theo quy định của pháp luật. Trường hợp nghị quyết có nội dung phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hoặc phải điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định.

4. Biên bản họp, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết, tài liệu gửi kèm thông báo mời họp, biên bản kiểm phiếu, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và dữ liệu điện tử của cuộc họp được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 05 (năm) Chương, 20 (hai mươi) Điều và 01 (một) Phụ lục, được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số ...../2026/NQ-ĐHĐCĐ-VFC ngày ..... tháng ..... năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/04/2021. Bãi bỏ Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, ban hành kèm theo Quyết định 07/2024/QĐ-TGĐ ngày 25/06/2024 của Tổng Giám đốc.

3. Việc thay thế quy định tại khoản 2 Điều này không ảnh hưởng đến hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua hợp lệ trước ngày Quy chế này có hiệu lực.

4. Trường hợp Công ty thay đổi tên, Quy chế này tiếp tục áp dụng đối với Công ty với tên mới mà không phải ban hành lại.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm giao Bộ phận phụ trách pháp chế theo dõi việc thực hiện và đề xuất Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Quy chế khi pháp luật hoặc Điều lệ thay đổi.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người Quản lý khác, cổ đông của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

NGUYỄN VIỆT ANH
Chủ tịch HĐQT

PHỤ LỤC 01
MẪU GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(Kèm theo Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ỦY QUYỀN
Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông ..... năm .....
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

I. BÊN ỦY QUYỀN

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức): .....
Số Căn cước/Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp: .....
Ngày cấp, nơi cấp: .....
Địa chỉ liên lạc: .....
Người đại diện (đối với tổ chức): .....
Số cổ phần sở hữu: .....
Số điện thoại, thư điện tử: .....

II. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

Họ và tên/Tên tổ chức: .....
Số Căn cước/Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp: .....
Ngày cấp, nơi cấp: .....
Địa chỉ liên lạc: .....
Số điện thoại, thư điện tử: .....

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

1. Số cổ phần ủy quyền: ..... cổ phần (Bằng chữ: ..... cổ phần).
2. Bên nhận ủy quyền được thay mặt Bên ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông ..... năm ..... của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát và thực hiện quyền phát biểu, thảo luận, biểu quyết, bầu cử đối với tất cả các vấn đề thuộc chương trình họp tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.
3. Thời hạn ủy quyền: từ ngày ký Văn bản ủy quyền này đến khi kết thúc cuộc họp nêu.
4. Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác, trừ trường hợp Bên ủy quyền đồng ý bằng văn bản.

Bên ủy quyền cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Bên nhận ủy quyền cam kết thực hiện đúng phạm vi được ủy quyền.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN	**BÊN ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)*

Ghi chú: Bên nhận ủy quyền mang theo Văn bản ủy quyền bản gốc và giấy tờ pháp lý của cá nhân còn giá trị sử dụng khi đăng ký dự họp. Cổ đông có thể sử dụng văn bản ủy quyền khác có đủ nội dung theo Điều 5 Quy chế.

VFC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ CỦA TPBANK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .05./2026/Ttr-HĐQT-VFC
V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, bao gồm Điều lệ mẫu tại Phụ lục XII;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát.*
- *Căn cứ Nghị quyết số ...12../2026/NQ-HĐQT ngày ..20.. tháng ..11.... năm 2026 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua các nội dung họp trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026.*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("**Công ty**" hoặc "**VFC**") kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty ("**Điều lệ**") với các nội dung sau:

I. Sự Cần Thiết Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

1. Về thay đổi tên và cập nhật địa chỉ trụ sở chính: Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi tên Công ty theo Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT ngày .20../.11.../2026. Tên và địa chỉ trụ sở chính là nội dung chủ yếu của Điều lệ theo khoản 1 Điều 24 Luật Doanh nghiệp. Do đó, việc thay đổi tên phải được thực hiện đồng thời với việc sửa đổi Điều lệ. Địa chỉ trụ sở chính được cập nhật theo tên đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp năm 2025. Địa điểm trụ sở chính không thay đổi.
2. Về bảo đảm tuân thủ pháp luật: Công ty đã rà soát toàn diện Điều lệ hiện hành. Một số quy định chưa phù hợp hoặc chưa đầy đủ so với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ mẫu tại Phụ lục XII Thông tư số 99/2020/TT-BTC. Điều lệ hiện hành cũng còn một số lỗi chính tả và dẫn chiếu chưa chính xác.

3. Về hiệu quả quản trị: Khoản 2 Điều 147 và khoản 1 Điều 149 Luật Doanh nghiệp cho phép Điều lệ quy định các vấn đề được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Việc quy định rõ nội dung này giúp Công ty thông qua kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với thời gian và chi phí hợp lý.
4. Việc sửa đổi đồng thời các nội dung nêu trên trong một lần giúp hạn chế việc sửa đổi Điều lệ nhiều lần. Phương án sửa đổi đã được Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong, cổ đông sở hữu 99,9% vốn điều lệ của Công ty, cho ý kiến tham vấn cấp cao tại văn bản nêu tại phần căn cứ.

II. Nội Dung Sửa Đổi, Bổ Sung Chính

1. Thay đổi tên và cập nhật thông tin trụ sở chính (khoản 1 và khoản 3 Điều 2): cập nhật tên Công ty theo phương án thay đổi tên được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cập nhật tên đơn vị hành chính của địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại và trang thông tin điện tử.
2. Hoàn thiện quy định về cổ phần ưu đãi biểu quyết (điểm a khoản 4 Điều 9): dẫn chiếu khoản 1 Điều 116 Luật Doanh nghiệp về đối tượng được nắm giữ, số phiếu biểu quyết và thời hạn ưu đãi biểu quyết.
3. Bổ sung 03 điều mới theo Điều lệ mẫu: Điều 20 về Cổ đông, Điều 21 về Thừa kế cổ phần và Điều 22 về Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức. Các điều từ Điều 20 đến Điều 73 Điều lệ hiện hành được đánh số lại thành Điều 23 đến Điều 76. Các dẫn chiếu nội bộ được cập nhật tương ứng.
4. Làm rõ thẩm quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (khoản 1 Điều 34 và khoản 4 Điều 35 Điều lệ sửa đổi): liệt kê cụ thể các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết về các vấn đề này được thông qua khi được cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng Quản trị về nhân sự Bộ phận Kiểm toán nội bộ (điểm i khoản 2 Điều 40 Điều lệ sửa đổi), phù hợp với Điều 5 Thông tư số 99/2020/TT-BTC.
6. Làm rõ quyền biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát (điểm i khoản 1 Điều 54 Điều lệ sửa đổi): thành viên Ban Kiểm soát không biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên Ban Kiểm soát biểu quyết với tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, phù hợp với khoản 11 Điều 157 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
7. Sửa lỗi chính tả, dẫn chiếu và hoàn thiện quy định kỹ thuật: dẫn chiếu về trách nhiệm của người quản lý, khái niệm người có liên quan, thủ tục phá sản khi Công ty mất khả năng thanh toán, hiệu lực, số bản gốc và thẩm quyền ký bản sao, trích lục Điều lệ.

   Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung được nêu tại Phụ lục số 01 đính kèm Tờ trình này. Các nội dung khác của Điều lệ hiện hành được giữ nguyên.

III. Hiệu Lực

1. Điều lệ sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế Điều lệ hiện hành.
2. Riêng nội dung về tên Công ty tại khoản 1 Điều 2 Điều lệ sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động ghi nhận việc thay đổi tên. Trước thời điểm này, Công ty tiếp tục sử dụng tên hiện tại.

IV. Kiến Nghị

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Mục II và Phụ lục số 01 đính kèm Tờ trình này.
2. Thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi của Công ty theo dự thảo đính kèm Tờ trình này, với hiệu lực nêu tại Mục III.
3. Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị:
   a) Hoàn thiện câu chữ, lỗi kỹ thuật, số thứ tự và dẫn chiếu của Điều lệ sửa đổi theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), với điều kiện không làm thay đổi nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
   b) Giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành Điều lệ sửa đổi.
   c) Thực hiện thủ tục với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
   d) Hội đồng Quản trị được giao lại cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

   Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Tài liệu đính kèm:

- Phụ lục: Bảng tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

- Dự thảo toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi của Công ty.

Nơi nhận:
- Như trên.
- Thành viên HĐQT, BKS.
- Lưu: VP, Pháp chế.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

NGUYỄN VIỆT ANH

PHỤ LỤC 01

BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Kèm theo Tờ trình số ...../2026/TTr-HĐQT ngày ...../...../2026 của Hội đồng Quản trị)

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do
1	**Khoản 1 Điều 2**	1. Tên Công Ty: - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: VIETNAM FORTUNE FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY - Tên giao dịch bằng tiếng Việt: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT - Tên giao dịch bằng tiếng Anh: VIETNAM FORTUNE CAPITAL - Tên viết tắt: VFC INC	1. Tên Công Ty: - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: TIEN PHONG CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY - Tên giao dịch bằng tiếng Việt: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG - Tên giao dịch bằng tiếng Anh: TPCapital - Tên viết tắt: TPCapital	- Điều 37, Điều 39 và Điều 41 Luật Doanh nghiệp về tên doanh nghiệp, tên bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt, tên trùng và tên gây nhầm lẫn. - Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP: việc sử dụng tên riêng "Tiên Phong" để cấu thành tên doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở văn bản chấp thuận của TPBank. - Tên tiếng Anh, tên giao dịch tiếng Anh và tên viết tắt hoàn thiện theo phương án được TPBank phê duyệt.
2	**Khoản 3 Điều 2**	3. Trụ sở chính của Công Ty: - Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, Số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Hà Nội - Điện thoại: 024 3941 0715 Fax: 024 3941 0716	3. Trụ sở chính của Công Ty: - Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, Số 5 Lê Duẩn, Phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội	- Cập nhật tên đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp năm 2025, phù hợp với thông tin của cơ quan

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do
				- Số điện thoại theo thông tin chính thức của Công ty. - Website: theo trang thông tin điện tử chính thức của Công Ty và tên miền do Công Ty đăng ký và công bố theo quy định của pháp luật.
3	**Điểm a khoản 4 Điều 9**	a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số phiếu biểu quyết của cổ phần phổ thông; số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khi thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết;	a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần phổ thông có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số phiếu biểu quyết của cổ phần phổ thông khác. Số phiếu biểu quyết, đối tượng được quyền nắm giữ và thời hạn ưu đãi biểu quyết thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Doanh Nghiệp và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi phê duyệt phương án phát hành. Sau thời hạn ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi biểu quyết chuyển đổi thành cổ phần phổ thông;	Bổ sung theo quy định pháp luật hiện hành. Khoản 1 Điều 116 Luật Doanh nghiệp: đối tượng được nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết gồm tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập. Quy định hiện hành chỉ nêu tổ chức được Chính phủ ủy quyền là chưa đầy đủ. Dẫn chiếu Luật để bảo đảm chính xác và không phải sửa đổi khi Luật thay đổi.
4	**Điều 20 (bổ sung điều mới)**	(Chưa có quy định)	Điều 20. Cổ đông 1. Cổ đông là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần đã phát hành của Công Ty.	Bổ sung như sau: - Khoản 3 Điều 4, Điều 14, Điều 111 Luật Doanh nghiệp và quy định của

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do
			2. Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông của Công Ty kể từ thời điểm thông tin về cổ đông đó được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công Ty theo quy định tại Điều 15 của Điều Lệ và quy định của pháp luật. Trường hợp cổ phần của Công Ty được đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc xác định tư cách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán. 3. Cổ đông là tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông thông qua người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, thay đổi, chấm dứt người đại diện theo ủy quyền phải được lập thành văn bản, thông báo cho Công Ty và chỉ có hiệu lực đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được thông báo. 4. Cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty. 5. Cổ đông, nhóm cổ đông, người có liên quan khi sở hữu, thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công Ty có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và thực hiện thủ tục chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (nếu có) theo quy định của pháp luật chứng khoán.	pháp luật chứng khoán về báo cáo sở hữu. - Tương ứng nội dung "Cổ đông" tại Điều 17 Điều lệ mẫu (Phụ lục XII Thông tư 99/2020/TT-BTC).
5	**Điều 21 (bổ sung điều mới)**	(Chưa có quy định)	Điều 21. Thừa kế cổ phần 1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết, người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công Ty kể từ thời điểm thông	Bổ sung như sau: - Khoản 3, khoản 4 Điều 127 Luật Doanh nghiệp. - Tương ứng nội dung "Thừa kế cổ phần" tại Điều

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do
			tin của người thừa kế được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. 2. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế, số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. 3. Người thừa kế có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty các giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền thừa kế theo quy định của pháp luật để Công Ty thực hiện việc ghi nhận vào sổ đăng ký cổ đông. 4. Trường hợp việc thừa kế cổ phần làm phát sinh nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin hoặc phải được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận theo quy định của pháp luật chứng khoán, người thừa kế và Công Ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định.	22 Điều lệ mẫu (Phụ lục XII Thông tư 99/2020/TT-BTC).
6	**Điều 22 (bổ sung điều mới)**	(Chưa có quy định)	Điều 22. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức 1. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 của Điều Lệ và khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh Nghiệp, hoặc việc trả cổ tức trái với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 của Điều Lệ và Điều 135 của Luật Doanh Nghiệp, các cổ đông phải hoàn trả cho Công Ty số tiền, tài sản khác đã nhận.	Bổ sung như sau: - Điều 136 Luật Doanh nghiệp. - Tương ứng nội dung "Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức" tại Điều 24 Điều lệ mẫu (Phụ lục XII Thông tư 99/2020/TT-BTC).

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do
			2. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công Ty, cổ đông đó và tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty, trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.	- Điểm b khoản 2 Điều 69 Điều lệ sau sửa đổi (tương ứng Điều 66 hiện hành) quy định điều kiện trả cổ tức.
7	**Từ Điều 20 đến Điều 73**	Điều 20 đến Điều 73	Đánh số lại thành Điều 23 đến Điều 76. Các dẫn chiếu nội bộ trong Điều lệ được cập nhật tương ứng.	Do bổ sung 03 điều mới (Điều 20, Điều 21, Điều 22), số thứ tự các điều từ Điều 20 đến Điều 73 Điều lệ hiện hành tăng thêm 03. Nội dung các điều này không thay đổi, trừ các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu tại Phụ lục này.
8	**Khoản 1 Điều 31 (Điều 34 sau sửa đổi)**	1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp các vấn đề phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 của Điều Lệ.	1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp các vấn đề phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Điều Lệ. Các vấn đề được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo khoản này bao gồm các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh Nghiệp sau đây: a. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ, bao gồm việc thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;	- - Sửa lỗi, theo quy định tại Khoản 3, Điều 26. - Khoản 2 Điều 147 và khoản 1 Điều 149 Luật Doanh nghiệp: các vấn đề tại khoản 2 Điều 147 phải được thông qua tại cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác. Khoản 1 Điều 31 hiện hành đã cho phép lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả các vấn

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do
			b. Định hướng phát triển của Công Ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 25 của Điều Lệ; và f. Tổ chức lại, giải thể Công Ty.	đề thuộc thẩm quyền nhưng chưa nêu đích danh các vấn đề này. - Bổ sung để làm rõ, tránh cách hiểu khác khi cơ quan quản lý xem xét hồ sơ, đồng bộ với việc nội dung được ghi nhận tại điểm g khoản 3 Điều 23. - Báo cáo tài chính năm và mức cổ tức không liệt kê do thuộc nội dung họp thường niên theo điểm b, điểm f khoản 3 Điều 23.
9	**Khoản 4 Điều 32** **(Điều 35 sau sửa đổi)**	4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và 6 Điều này.	4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và 6 Điều này. Riêng nghị quyết về các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	- Các vấn đề quan trọng tại khoản 1 Điều 32 (cơ cấu tổ chức quản lý, đầu tư hoặc bán tài sản lớn, tổ chức lại, giải thể...) cần từ 65% khi biểu quyết tại cuộc họp. Nội dung bổ sung thêm áp dụng cùng mức 65% khi lấy ý kiến bằng văn bản để bảo đảm thận trọng. - Tỷ lệ này cao hơn mức tối thiểu tại khoản 4 Điều 148

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do
				Luật Doanh nghiệp nên phù hợp quy định pháp luật.
10	**Điểm i khoản 2 Điều 37 (Điều 40 sau sửa đổi)**	i. ... quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	i. ... quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý nêu trên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân sự Bộ phận Kiểm toán nội bộ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	- Điều 5 Thông tư 99/2020/TT-BTC: Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị, không chịu sự quản lý của Ban điều hành. - Tương ứng Điều lệ mẫu (Phụ lục XII Thông tư 99/2020/TT-BTC).
11	**Điểm h khoản 1 Điều 51 (Điều 54 sau sửa đổi)**	h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 53 của Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ, ...	h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 58 của Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ, ...	Sửa dẫn chiếu chưa chính xác. Điều 53 Điều lệ quy định về tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên. Nội dung đúng là "Trách nhiệm của người quản lý Công Ty" tại Điều 55 Điều lệ hiện hành (Điều 58 sau sửa đổi), tương ứng Điều 165 và Điều 170 Luật Doanh nghiệp.
12	**Điểm i khoản 1 Điều 51 (Điều 54 sau sửa đổi)**	i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của công ty. Thành viên Ban	i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty. Thành viên Ban Kiểm Soát không có quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng	- Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp: Kiểm soát viên được dự họp Hội đồng

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do
		Kiểm Soát không có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.	Quản Trị. Tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thành viên Ban Kiểm Soát chỉ biểu quyết với tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, trừ trường hợp không được biểu quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Điều Lệ này.	quản trị, có quyền thảo luận nhưng không biểu quyết. - Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp: quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gắn với cổ phần. Luật không hạn chế quyền biểu quyết của cổ đông là thành viên Ban Kiểm soát, trừ trường hợp có lợi ích liên quan (khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 57 Điều lệ).
13	**Khoản 1 Điều 54 (Điều 57 sau sửa đổi)**	1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp, Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.	1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 1 Điều Lệ này, quy định pháp luật có liên quan và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.	Khái niệm "Người có liên quan" đã được định nghĩa tại điểm e khoản 1 Điều 1 Điều lệ. Dẫn chiếu nội bộ để tránh trùng lặp.
14	**Khoản 2 Điều 70 (Điều 73 sau sửa đổi)**	2. Công Ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công Ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.	2. Công Ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công Ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Trường hợp Công Ty mất khả năng thanh toán, việc phá sản Công Ty thực hiện theo quy định tại Điều 74 Điều Lệ này.	Khoản 2 Điều 207 Luật Doanh nghiệp. Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán thì thực hiện thủ tục phá sản theo pháp luật về phá sản, không thực hiện thủ tục giải thể. Bổ sung dẫn chiếu Điều 74 Điều lệ

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ, lý do
				sửa đổi (Điều 71 Điều lệ hiện hành).
15	**Điều 73 (Điều 76 sau sửa đổi)**	1. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm .... Các bản Điều Lệ đã ký ban hành trước đây đều hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Điều Lệ này có hiệu lực. 2. Điều Lệ này được lập thành 05 (năm) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau.	1. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2026. Các bản Điều Lệ đã ký ban hành trước đây đều hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Điều Lệ này có hiệu lực. 2. Điều Lệ này được lập thành 03 (ba) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền và được đóng dấu của Công Ty.	- Cập nhật thời gian ban hành, hiệu lực. - Số bản gốc theo nhu cầu thực tế: hồ sơ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, TPBank và lưu tại Công ty. - Luật Doanh nghiệp và Thông tư 99/2020/TT-BTC không quy định thẩm quyền ký bản sao, trích lục Điều lệ. Bổ sung quy định theo hướng thuận tiện cho vận hành.

Dự thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, Số 5 Lê Duẩn, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0983 608 667

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG

(Sửa đổi lần thứ 9)

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 6
Điều 1. Giải thích từ ngữ 6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động 6
Điều 3. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán 7
Điều 4. Người đại diện theo pháp luật 7
Điều 5. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công Ty 8
Điều 6. Dấu của Công Ty 8
Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty 8
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG 9
Điều 8. Vốn Điều Lệ 9
Điều 9. Cơ cấu cổ phần 10
Điều 10. Quyền của cổ đông phổ thông 10
Điều 11. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết 12
Điều 12. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức 12
Điều 13. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại 12
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông 12
Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông 13
Điều 16. Cổ phiếu 13
Điều 17. Điều chỉnh Vốn Điều Lệ 13
Điều 18. Mua lại cổ phần 14
Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần 15
Điều 20. Chào bán trái phiếu 16
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY 17
Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý và nguyên tắc quản trị của Công Ty 17
Mục 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 17
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông 17
Điều 23. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 18
Điều 24. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 18
Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 19
Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 19
Điều 27. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 20
Điều 28. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 20
Điều 29. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 21
Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 21
Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 22
Điều 32. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua 23
Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 24

Điều 34. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 24
Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 25
Điều 36. Hiệu lực của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông 25
Mục 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 25
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị 25
Điều 38. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị 27
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị 27
Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị 27
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị 28
Điều 42. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị 28
Điều 43. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị 29
Điều 44. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị 30
Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị 31
Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị 31
Điều 47. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị 32
Mục 3. TỔNG GIÁM ĐỐC 33
Điều 48. Tổng Giám Đốc 33
Điều 49. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc 34
CHƯƠNG IV. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 39
Điều 50. Công khai các lợi ích liên quan 39
Điều 51. Trách nhiệm của người quản lý Công Ty 40
Điều 52. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc 40
Điều 53. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan 41
Điều 54. Công khai thông tin 41
CHƯƠNG V. NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY 42
Điều 55. Nghĩa vụ trong hoạt động nghiệp vụ của Công Ty 42
Điều 56. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty và nhân viên của Công Ty 46
Điều 57. Ủy quyền hoạt động 48
Điều 58. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác 50
Điều 59. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp 51
CHƯƠNG VI. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN 51
Điều 60. Năm tài chính 51
Điều 61. Kế toán, kiểm toán, thuế 51
Điều 62. Trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh 51
Điều 63. Nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin 52
CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC LẠI, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY 52
Điều 64. Tổ chức lại Công Ty 52

Điều 65. Tạm ngừng hoạt động 53
Điều 66. Giải thể Công Ty 53
Điều 67. Phá sản Công Ty 53
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 53
Điều 68. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ 53
Điều 69. Ngày hiệu lực 54

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
5. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
6. Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp; và
7. Các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và hướng dẫn thi hành các văn bản nêu trên.

Điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tiên Phong này ("Điều lệ") được thông qua theo Nghị quyết số ...../2026/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày ... tháng ... năm 2026.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều Lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

   a. "**Công Ty**" có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Tiên Phong;

   b. "**Giấy phép thành lập và hoạt động**" là Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 28/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2008 cho Công Ty và các giấy phép của Công Ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

   c. "**Vốn Điều Lệ**" là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán và theo quy định tại Điều 8 của Điều Lệ;

   d. "**Người quản lý Công Ty**" hoặc "**Người quản lý**" là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng;

   e. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ hoặc gián tiếp với Công Ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán;

   f. "**Luật Chứng Khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế;

   g. "**Luật Doanh Nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong Điều Lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi, đọc hiểu và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung, ý nghĩa của Điều Lệ này.

4. Trừ trường hợp Điều Lệ này có định nghĩa khác, các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Điều Lệ này sẽ có nghĩa tương tự như trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh Nghiệp.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động

1. Tên Công Ty:

   - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG**
   - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **TIEN PHONG CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY**
   - Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG**
   - Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **TPCapital**
   - Tên viết tắt: **TPCapital**

2. Công Ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, có đầy đủ tư cách pháp nhân phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

3. Trụ sở chính của Công Ty:

- Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, Số 5 Lê Duẩn, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 0983 608 667

4. Mạng lưới hoạt động của Công Ty:

   a. Công Ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi quy định của pháp luật cho phép;

   b. Chi nhánh, văn phòng đại diện là những đơn vị trực thuộc Công Ty và Công Ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của mình;

   c. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện phải mang tên Công Ty kèm theo cụm từ "chi nhánh", hoặc "văn phòng đại diện" và tên riêng để phân biệt;

   d. Công Ty chỉ thực hiện các hoạt động kinh doanh tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh phù hợp với Giấy phép thành lập và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh tương ứng đã được cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

5. Thời hạn hoạt động của Công Ty bắt đầu từ ngày Công Ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi Công Ty chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán[1]

Công Ty được phép tiến hành tất cả các nghiệp vụ kinh doanh được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp phép, bao gồm:

1. Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

2. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;

3. Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật[2]

1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

3. Khi người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công Ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 3 nêu trên vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công Ty trở lại làm việc tại Công Ty hoặc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc trường hợp người đại diện theo pháp luật chết, mất tích, đang bị truy cứu

---

[1] Điều 73 LCK 2019

[2] Điều 12 LDN 2020 và Điều 182 NĐ 155/2020

trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội Đồng Quản Trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

Điều 5. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công Ty[3]

1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có trách nhiệm sau đây:

   a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công Ty;

   b. Trung thành với lợi ích của Công Ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công Ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Dấu của Công Ty[4]

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội Đồng Quản Trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty phù hợp với theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý dấu của Công Ty, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty

1. Công Ty có tất cả các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp với điều kiện là quy định của Luật Doanh Nghiệp không mâu thuẫn với Luật Chứng Khoán cũng như quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Bên cạnh các quyền theo quy định của Khoản 1 nêu trên, Công Ty có các quyền sau đây[5]:

   a. Tự do kinh doanh trong những ngành nghề, nghiệp vụ kinh doanh được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) chấp thuận tại từng thời điểm;

   b. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, tài chính cho khách hàng trong phạm vi ngành nghề, nghiệp vụ kinh doanh hợp pháp của Công Ty;

   c. Thực hiện thu phí khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật;

   d. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công Ty;

   e. Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

---

[3] Điều 13 LDN 2020
[4] Điều 43 LDN 2020
[5] Điều 7 LDN 2020

3. Bên cạnh các nghĩa vụ theo quy định của Khoản 1 nêu trên, Công Ty phải bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ, nguyên tắc hoạt động chung sau đây:

a. Tuân thủ các nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều 90 của Luật Chứng Khoán, bao gồm:

(i) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty và trong giao dịch với người có liên quan;

(ii) Bảo đảm nhân viên làm việc tại Bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện;

(iii) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;

(iv) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công Ty;

(v) Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công Ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó, trừ trường hợp khách hàng không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin nhưng không đầy đủ, chính xác;

(vi) Cập nhật, lưu giữ đầy đủ hồ sơ thông tin khách hàng, chứng từ và phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công Ty;

(vii) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

(viii) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật;

(ix) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;

(x) Thực hiện hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật Chứng Khoán, Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, hợp đồng ký với khách hàng ủy thác đầu tư và hợp đồng ký với ngân hàng giám sát;

(xi) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều 106 của Luật Chứng Khoán, Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán và hợp đồng ký với khách hàng ủy thác đầu tư;

(xii) Khi quản lý tài sản ủy thác, phải lưu ký toàn bộ tài sản ủy thác, bảo đảm nguyên tắc độc lập và tách biệt tới từng khách hàng ủy thác, tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của Công Ty;

(xiii) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Chứng Khoán.

b. Tuân thủ quy định về hạn chế đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;

c. Bảo đảm các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;

d. Chịu trách nhiệm về hoạt động của người hành nghề chứng khoán tại Công Ty;

e. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vốn Điều Lệ

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).

2. Công Ty có thể thay đổi tăng, giảm Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị thông qua tùy từng trường hợp phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 9. Cơ cấu cổ phần[6]

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 10.000.000 (Mười triệu) cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

2. Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này chỉ có loại cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

3. Tại từng thời điểm, ngoài cổ phần phổ thông, Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với quy định của pháp luật. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

   a. Cổ phần ưu đãi cổ tức;

   b. Cổ phần ưu đãi hoàn lại;

   c. Cổ phần ưu đãi biểu quyết; và

   d. Cổ phần ưu đãi khác: theo quy định tại phương án phát hành cổ phần ưu đãi được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Đặc điểm của các loại cổ phần ưu đãi:

   a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần phổ thông có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số phiếu biểu quyết của cổ phần phổ thông khác. Số phiếu biểu quyết, đối tượng được quyền nắm giữ và thời hạn ưu đãi biểu quyết thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Doanh Nghiệp và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi phê duyệt phương án phát hành. Sau thời hạn ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi biểu quyết chuyển đổi thành cổ phần phổ thông[7];

   b. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công Ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức[8];

   c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công Ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều Lệ (nếu có)[9].

5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều Lệ này quy định hoặc do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khi thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần.

6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi, cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 10. Quyền của cổ đông phổ thông[10]

---

[6] Điều 114 LDN 2020
[7] Khoản 1 Điều 116 LDN 2020
[8] Khoản 1 Điều 117 LDN 2020
[9] Khoản 1 Điều 118 LDN 2020
[10] Điều 115 LDN 2020

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

   a. Tham dự và phát biểu trong các Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức biểu quyết khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có). Mỗi cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết;

   b. Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty phù hợp với phương án chào bán cổ phần và/hoặc phương án tăng Vốn Điều Lệ được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận;

   d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Điều Lệ, quy định của pháp luật khác có liên quan và/hoặc theo các điều kiện được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng (nếu có);

   e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

   f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   g. Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty;

   h. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

   a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát/Kiểm Soát Viên, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

   b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;

   c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra

   d. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

   a. Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

   b. Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát được thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử;.

Điều 11. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết[11]

1. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ.

2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

Điều 12. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức[12]

1. Nhận cổ tức theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ.

2. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty, sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công Ty giải thể hoặc phá sản.

3. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 dưới đây.

4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 13. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại[13]

1. Được Công Ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ.

2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 dưới đây.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 114 và Khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông[14]

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều Lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.

4. Chấp hành nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị.

---

[11] Khoản 2 và Khoản 3 Điều 116 LDN 2020
[12] Khoản 2 và Khoản 3 Điều 117 LDN 2020
[13] Điều 118 LDN 2020
[14] Điều 119 LDN 2020

5. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều Lệ; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông[15]

1. Công Ty phải lập và quản lý Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy và tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai hình thức này ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông của Công Ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải đảm bảo có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh Nghiệp hoặc theo quy định của các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông của Công Ty trong giờ làm việc của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công Ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều Lệ.

Điều 16. Cổ phiếu[16]

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu của Công Ty phải có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 của Luật Doanh Nghiệp.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

   a. Thông tin về cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

   b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

4. Trường hợp cổ phiếu của Công Ty được niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì hoạt động đăng ký cổ phiếu sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Điều chỉnh Vốn Điều Lệ

1. Tăng Vốn Điều Lệ[17]: Sau khi chính thức tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, theo sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:

---

[15] Điều 122 LDN 2020
[16] Điều 121 LDN 2020
[17] Điều 123 LDN 2020 và Điều 187 NĐ 155/2020/NĐ-CP

a. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

b. Chào bán cổ phần riêng lẻ;

c. Chào bán cổ phần ra công chúng.

d. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Giảm Vốn Điều Lệ[18]:

a. Theo sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể giảm Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:

(i) Mua lại cổ phiếu để giảm Vốn Điều Lệ theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, bao gồm trường hợp mua lại quy định tại Điều 18 của Điều Lệ;

(ii) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b. Công Ty thực hiện giảm Vốn Điều Lệ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Vốn Điều Lệ sau khi giảm không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

(ii) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi giảm vốn đạt tối thiểu là 180%;

(iii) Các đợt giảm vốn phải cách nhau tối thiểu 12 (mười hai) tháng;

(iv) Đáp ứng điều kiện mua lại cổ phiếu của chính mình quy định tại Điều 36 Luật Chứng Khoán.

3. Trình tự, thủ tục tăng, giảm Vốn Điều Lệ trong từng trường hợp được thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Sau khi hoàn tất việc tăng, giảm Vốn Điều Lệ, Công Ty thực hiện thủ tục điều chỉnh (i) Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và (ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông[19]

Khi đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ, điều kiện, hình thức, thủ tục mua lại cổ phần... theo quy định của pháp luật có liên quan, việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông có thể được Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

a. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Điểm này.

b. Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong trường hợp nêu trên với giá thị trường tại thời điểm mua lại hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ này trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

---

[18] Khoản 5 Điều 112 LDN 2020 và Điều 188 NĐ 155/2020/NĐ-CP

[19] Điều 132 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 24 TT 99/2020/TT-BTC

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty[20]

Công Ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

a. Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định;

b. Hội Đồng Quản Trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này. Đối với cổ phần loại khác, Công Ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

c. Công Ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công Ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

(i) Quyết định mua lại cổ phần của Công Ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công Ty.

(ii) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công Ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công Ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nêu trên.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại[21]

a. Công Ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

b. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải đăng ký giảm vốn Điều Lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công Ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.

d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn 10% thì Công Ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần[22]

---

[20] Điều 133 LDN 2020
[21] Điều 134 LDN 2020
[22] Điều 127 LDN 2020

1. Cổ phần của Công Ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ và/hoặc được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần phải được lập thành văn bản phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Cá nhân, tổ chức nhận chuyển nhượng cổ phần trong các trường hợp này chỉ trở thành cổ đông Công Ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh Nghiệp được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 20. Cổ đông

1. Cổ đông là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần đã phát hành của Công Ty.
2. Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông của Công Ty kể từ thời điểm thông tin về cổ đông đó được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công Ty theo quy định tại Điều 15 của Điều Lệ và quy định của pháp luật. Trường hợp cổ phần của Công Ty được đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc xác định tư cách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.
3. Cổ đông là tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông thông qua người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, thay đổi, chấm dứt người đại diện theo ủy quyền phải được lập thành văn bản, thông báo cho Công Ty và chỉ có hiệu lực đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được thông báo.
4. Cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
5. Cổ đông, nhóm cổ đông, người có liên quan khi sở hữu, thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công Ty có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và thực hiện thủ tục chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (nếu có) theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 21. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết, người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công Ty kể từ thời điểm thông tin của người thừa kế được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
2. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế, số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
3. Người thừa kế có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty các giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền thừa kế theo quy định của pháp luật để Công Ty thực hiện việc ghi nhận vào sổ đăng ký cổ đông.
4. Trường hợp việc thừa kế cổ phần làm phát sinh nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin hoặc phải được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận theo quy định của pháp luật chứng khoán, người thừa kế và Công Ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định.

Điều 22. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

1. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 của Điều Lệ và khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh Nghiệp, hoặc việc trả cổ tức trái với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 của Điều Lệ và Điều 135 của Luật Doanh Nghiệp, các cổ đông phải hoàn trả cho Công Ty số tiền, tài sản khác đã nhận.

2. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công Ty, cổ đông đó và tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty, trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 23. Chào bán trái phiếu[23]

1. Công Ty có quyền chào bán trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo hình thức phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

---

[23] Điều 128 LDN 2020

2. Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt.

3. Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền phải được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt, nhưng phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 24. Cơ cấu tổ chức quản lý và nguyên tắc quản trị của Công Ty

1. Công Ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần[24], bao gồm:

   a. Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   b. Hội Đồng Quản Trị;

   c. Ban Kiểm Soát;

   d. Tổng Giám Đốc.

2. Công Ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật khác có liên quan về quản trị công ty[25].

Mục 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông[26]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;

   b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

   c. Quyết định số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;

   d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý);

   e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;

   f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

   g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

   h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;

   i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;

   j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;

---

[24] Khoản 1 Điều 137 LDN 2020
[25] Khoản 2 Điều 3 TT 99/2020/TT-BTC
[26] Điều 138 LDN 2020

k. Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi nhiệm, miễn nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ (nếu có).

Điều 26. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[27]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội Đồng Quản Trị quyết định gia hạn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;

b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm soát viên;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông (nếu có).

Điều 27. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[28]

1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

b. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Điều Lệ;

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;

e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 của Điều này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.

3. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

---

[27] Điều 139 LDN 2020

[28] Điều 140 LDN 2020

Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

4. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Điều Lệ triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:

   a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

   b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

   c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

   d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

   e. Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;

   f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

   g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;

   h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại trên cơ sở các chứng từ hợp lệ, đầy đủ. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi trả khi tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 28. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[29]

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty. Công Ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cổ đông tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng[30]. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có họ, tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Người quản lý Công Ty phải cung cấp kịp thời thông tin Sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều Lệ.

Điều 29. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[31]

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

---

[29] Điều 141 LDN 2020

[30] Điểm b Khoản 4 Điều 11, Điều 15 và Điều 23 TT 96/2020/TT-BTC

[31] Điều 142 LDN 2020

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Điều Lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;

   b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Điều Lệ;

   c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

4. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

Điều 30. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[32]

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty; trường hợp xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

   a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

   b. Phiếu biểu quyết.

4. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 31. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[33]

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 của Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

---

[32] Điều 143 LDN 2020

[33] Điều 144 LDN 2020

3. Cổ đông được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;

d. Tham dự và biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 32. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[34]

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại Hội Đồng Cổ Đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 30 của Điều Lệ.

Điều 33. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[35]

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành như sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm Soát điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d. Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

---

[34] Điều 145 LDN 2020

[35] Điều 146 LDN 2020

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ hoặc người được Chủ tọa phân công công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền sau đây:

   a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

   b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường trường hợp sau đây:

   a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

   b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

   c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Khoản 8 của Điều này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 34. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông[36]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề quy định tại điểm a, b, c, d, e, f Khoản 3 Điều 26 của Điều Lệ này phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Điều Lệ. Các vấn đề được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bao gồm cả các vấn đề sau đây:

   a. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty;
   b. Định hướng phát triển của Công Ty;
   c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;
   e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 25 của Điều Lệ;
   f. Tổ chức lại, giải thể Công Ty.

[36] Điều 147 LDN 2020

Điều 35. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua[37]

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 của Điều này:

   a. Thay đổi Vốn Điều Lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;

   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;

   e. Tổ chức lại, giải thể Công Ty;

   f. Thông qua hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 60 của Điều Lệ.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

   a. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

   b. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ hoặc theo Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông từng nhiệm kỳ.

   c. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và 6 Điều này. Riêng nghị quyết về các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

6. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

---

[37] Điều 148 LDN 2020; Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung LDN

Điều 36. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông[38]

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 34 của Điều Lệ.

2. Hội Đồng Quản Trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 28 của Điều Lệ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Điều Lệ.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 3 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử hoặc bỏ phiếu điện tử theo quy định sau đây:

   a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

   b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

   c. Trường hợp gửi ý kiến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo quy định về bỏ phiếu điện tử được Công Ty áp dụng tại từng thời điểm;

   d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 5 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.

   Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 37. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông[39]

---

[38] Điều 149 LDN 2020

[39] Điều 150 LDN 2020

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 150 của Luật Doanh Nghiệp.

2. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trên biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

6. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 38. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông[40]

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Điều Lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 39 của Điều Lệ.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

Điều 39. Hiệu lực của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông[41]

1. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 38 của Điều Lệ, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị[42]

1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý của Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

---

[40] Điều 151 LDN 2020
[41] Điều 152 LDN 2020
[42] Điều 153 LDN 2020

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán, giá mua lại cổ phần và trái phiếu của Công Ty;

e. Quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý) trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại điểm d khoản 2 Điều 25 và khoản 1, khoản 3 Điều 60 Điều lệ này.

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh và Kế Toán Trưởng của Công Ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý nêu trên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân sự Bộ phận Kiểm toán nội bộ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

3. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ quy định. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có 01 (một) phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nêu trên.

Điều 41. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị[43]

1. Hội Đồng Quản Trị có từ 03 (ba) đến 07 (bảy) thành viên. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị trong mỗi nhiệm kỳ.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị[44]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

   b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty;

   c. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không được là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, người hành nghề quản lý quỹ của một công ty quản lý quỹ khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty đang quản lý[45].

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành là thành viên Hội Đồng Quản Trị không phải là Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh và Kế Toán Trưởng của Công Ty[46].

Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị[47]

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên được công bố phải bao gồm các thông tin tối thiểu sau đây:

   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

   b. Trình độ chuyên môn;

   c. Quá trình công tác;

   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

   e. Các lợi ích liên quan đến Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty (nếu có).

---

[43] Điều 154 LDN 2020
[44] Điều 155 LDN 2020
[45] Khoản 2 Điều 4 TT 99/2020/TT-BTC
[46] Khoản 56 Điều 3 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[47] Điều 274 NĐ 155/2020/NĐ-CP

Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến Công Ty của ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 của Điều Lệ có quyền đề cử ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cần phải biểu quyết bầu, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ. Việc Hội Đồng Quản Trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị[48]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định của pháp luật khác có liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện như sau[49]:

   a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám Đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty;

   b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, ngoài ra phải bảo đảm các trách nhiệm sau đây:

   a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;

   b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

   c. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 45. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị[50]

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị bầu 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;

   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;

   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;

---

[48] Điều 277 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[49] Điều 159 LDN 2020
[50] Điều 156 LDN 2020

e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

3. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công Ty. Thư ký Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;

d. Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 46. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị[51]

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

2. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ. Việc tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều Lệ. Hội Đồng Quản Trị họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị. Địa điểm cuộc họp Hội Đồng Quản Trị là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm Soát;

b. Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

---

[51] Điều 157 LDN 2020

5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do không triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều này; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Chủ tịch Hội Đồng Quản TRị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

8. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua fax, thư điện tử, phiếu biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải được giữ bí mật đến thời điểm biểu quyết.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Điều 47. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị[52]

1. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp.

---

[52] Điều 158 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan[53].

3. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, thể hiện được đầy đủ nội dung cuộc họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua[54].

4. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công Ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị[55]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

   a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 42 của Điều Lệ;

   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

   c. Trường hợp khác quy định tại Điều Lệ (nếu có).

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

   a. Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   b. Trường hợp khác quy định tại Điều Lệ (nếu có).

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

   a. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng theo quy định tại Điều 41 của Điều Lệ. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

   b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 49. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị[56]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được hưởng thù lao và thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản

---

[53] Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung LDN
[54] Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[55] Điều 160 LDN 2020
[56] Điều 163 LDN 2020

Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được yêu cầu thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 50. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị[57]

1. Trường hợp quản lý quỹ đại chúng, Công Ty phải thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị.

2. Bộ phận Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm:

   a. Kiểm tra, đánh giá cơ cấu tổ chức, hoạt động quản trị Công Ty, hoạt động điều hành, phối hợp của từng bộ phận, từng vị trí công tác nhằm ngăn ngừa các xung đột lợi ích, bảo vệ quyền lợi của khách hàng;

   b. Kiểm tra, đánh giá mức độ đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả, mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ; hệ thống kiểm soát nội bộ; các chính sách, quy trình nội bộ, bao gồm quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quy trình và hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, kế toán, quy trình và hệ thống báo cáo, công bố thông tin, quy trình tiếp nhận và xử lý tố cáo, khiếu kiện từ khách hàng và các quy định nội bộ khác;

   c. Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng, tuân thủ các quy trình nghiệp vụ và quản trị rủi ro;

   d. Thực hiện việc kiểm toán hoạt động theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm phải được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

      (i) Kiểm toán nội bộ được thực hiện hằng năm và đột xuất;

      (ii) Các hoạt động, quy trình, bộ phận phải được đánh giá mức độ rủi ro theo quy định nội bộ của Công Ty. Các hoạt động, quy trình, bộ phận có mức độ rủi ro cao được tập trung nguồn lực, ưu tiên thực hiện kiểm toán trước và được kiểm toán tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần;

      (iii) Kế hoạch kiểm toán định kỳ hằng năm phải được điều chỉnh khi có thay đổi về mức độ rủi ro của các hoạt động, quy trình, bộ phận.

   e. Thực hiện kiểm toán toàn bộ hoạt động của tất cả các bộ phận trong Công Ty tối thiểu 02 (hai) năm 01 (một) lần;

   f. Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Công Ty; theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán đã được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt.

3. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

   a. Độc lập: Bộ phận Kiểm toán nội bộ và hoạt động của Bộ phận này độc lập với các bộ phận và hoạt động khác của Công Ty, không chịu sự quản lý của Ban điều hành. Nhân sự Bộ phận Kiểm toán nội bộ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận khác của Công Ty;

---

[57] Điều 5 TT 99/2020/TT-BTC

b. Khách quan: Kiểm toán nội bộ phải khách quan, công bằng, không định kiến, không tác động, không bị can thiệp khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

c. Trung thực: Công tác kiểm toán nội bộ phải được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm;

d. Phối hợp: Bộ phận Kiểm toán nội bộ được toàn quyền tiếp cận không hạn chế các thông tin, tài liệu của Công Ty. Thành viên Ban điều hành và toàn bộ nhân viên của Công Ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác toàn bộ thông tin, tài liệu liên quan, theo yêu cầu của Bộ phận Kiểm toán nội bộ. Các bộ phận trong Công Ty có trách nhiệm thông báo cho Bộ phận Kiểm toán nội bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro hoặc thất thoát lớn về tài sản của Công Ty hoặc của khách hàng;

e. Bảo mật: Bộ phận Kiểm toán nội bộ, nhân sự Bộ phận Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm bảo mật các thông tin có được trong quá trình kiểm toán, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Nhân sự Bộ phận Kiểm toán nội bộ khi được bổ nhiệm phải đảm bảo:

a. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành hình phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

b. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 (sáu) tháng gần nhất tính đến thời điểm được bổ nhiệm;

c. Có chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản tại các quốc gia là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) hoặc đã thi đạt chứng chỉ quốc tế về phân tích đầu tư CFA từ bậc II trở lên (Chartered Financial Analyst level II) hoặc CIIA (Certified International Investment Analyst - Final Level); hoặc có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hoặc có chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Cơ cấu nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải có tối thiểu 01 (một) nhân viên có chứng chỉ kiểm toán viên hoặc chứng chỉ kế toán viên do Việt Nam cấp; hoặc các chứng chỉ quốc tế về kế toán, kiểm toán như chứng chỉ ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants); hoặc đã có thời gian công tác từ 03 (ba) năm trở lên ở bộ phận pháp chế, thanh tra, quản lý, giám sát hoạt động các tổ chức tài chính tại các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán nhà nước.

6. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân sự Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Công Ty phải thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và gửi kèm các tài liệu đảm bảo nhân viên và cơ cấu nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ đáp ứng quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều này.

7. Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải gửi báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ hằng năm kịp thời cho Hội Đồng Quản Trị và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Báo cáo Kiểm toán nội bộ phải nêu rõ ý kiến đánh giá, kết luận của Bộ phận Kiểm toán nội bộ, cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán; ý kiến giải trình của đối tượng kiểm toán; các biện pháp khắc phục, xử lý vi phạm và hoàn thiện.

Mục 3. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 51. Tổng Giám Đốc[58]

1. Công Ty có 01 (một) Tổng Giám Đốc. Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng Giám Đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết, quyết định của

[58] Điều 162 LDN 2020 và Điều 7 TT 99/2020/TT-BTC

Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc[59]:

   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

   b. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

   c. Có tối thiểu 04 (bốn) năm kinh nghiệm tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

   d. Có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của pháp luật;

   e. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn theo quy định của pháp luật;

   f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Tổng Giám Đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;

   b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;

   d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

   e. Tuyển dụng lao động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý điều hành trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;

   f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc;

   g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

   a. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị (nếu có).

5. Công Ty phải miễn nhiệm Tổng Giám Đốc trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc khi Tổng Giám Đốc vi phạm quy định tại Điều 12, Khoản 2 Điều 98 Luật Chứng Khoán hoặc thuộc trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành hình phạt tù hoặc bị cấm hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật[60].

6. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi Tổng Giám Đốc, Công Ty phải thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và gửi kèm các tài liệu bảo đảm Tổng Giám Đốc mới đáp ứng quy định của pháp luật về chứng khoán[61].

Điều 52. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc[62]

---

[59] Khoản 5 Điều 75 LCK 2019
[60] Khoản 4 Điều 7 TT 99/2020/TT-BTC
[61] Khoản 5 Điều 7 TT 99/2020/TT-BTC
[62] Điều 6 TT 99/2020/TT-BTC

1. Công Ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức, quản lý của Công Ty, thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc và ban hành các quy định về kiểm soát nội bộ bao gồm cơ chế, chính sách, quy trình và quy định nội bộ.

2. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm:

   a. Giám sát bảo đảm hoạt động của từng vị trí, từng bộ phận và toàn bộ hoạt động Công Ty tuân thủ các quy định pháp luật, chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Công Ty;

   b. Giám sát việc thực thi trách nhiệm của toàn bộ nhân viên trong Công Ty đối với các hoạt động được giao, phân cấp, ủy quyền. Nguyên tắc phân cấp, ủy quyền trong Công Ty phải bảo đảm:

      (i) Cơ chế phân cấp, ủy quyền phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, bảo đảm tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong công ty. Quy trình nghiệp vụ phải bảo đảm tách biệt được giữa các chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí, bộ phận trong công ty, từ hoạt động phân tích, thẩm định, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc quyết định thực hiện, tổ chức thực hiện, báo cáo và giám sát sau khi đầu tư;

      (ii) Một cá nhân không được đảm nhiệm nhiều vị trí mà có thể thực hiện các hoạt động có mục đích, lợi ích mâu thuẫn với nhau hoặc chồng chéo nhau. Nhân sự được bố trí, bảo đảm một cá nhân không thể độc lập, tự mình ra quyết định và thực hiện từ hai hoạt động trở lên trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ mà không cần tham vấn các bộ phận, cá nhân khác.

   c. Tham gia xây dựng, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công Ty nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích; giám sát việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; tổng hợp, lưu trữ, thống kê và giám sát hoạt động kinh doanh của Công Ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công Ty;

   d. Tham gia xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro của Công Ty và cho từng khách hàng ủy thác; kịp thời nhận diện, đánh giá mức độ rủi ro, thiết lập hạn mức đầu tư và có biện pháp ngăn ngừa, quản lý các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động đầu tư của Công Ty và của khách hàng ủy thác;

   e. Giám sát bảo đảm giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán được định giá phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ; tài sản và các nguồn lực của Công Ty được quản lý an toàn, hiệu quả; tài sản khách hàng ủy thác được quản lý tách biệt, độc lập; báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, báo cáo về các chỉ tiêu an toàn tài chính và các báo cáo khác của Công Ty được lập trung thực, chính xác, kịp thời, cập nhật đầy đủ theo quy định của pháp luật;

   f. Giám sát, bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và quản lý trung thực, đầy đủ, kịp thời và chính xác; có hệ thống thông tin dự phòng để kịp thời xử lý những sự cố phát sinh như thiên tai, cháy, nổ, bảo đảm duy trì hoạt động liên tục của Công Ty;

   g. Đề xuất phương án giải quyết, xử lý tranh chấp, xung đột lợi ích, khiếu kiện từ khách hàng, đối tác; các phương án dự phòng khắc phục hậu quả khi sự cố xảy ra;

   h. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong trường hợp Công Ty không phải thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ.

3. Nhân sự Bộ phận Kiểm soát nội bộ phải đảm bảo các quy định sau:

   a. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành hình phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

   b. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 (sáu) tháng gần nhất tính đến thời điểm được bổ nhiệm;

   c. Có chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản tại các quốc gia là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) hoặc đã thi đạt chứng chỉ quốc tế về phân tích đầu

tư CFA từ bậc II trở lên (Chartered Financial Analyst level II) hoặc CIIA (Certified International Investment Analyst - Final Level); hoặc có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hoặc có chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d. Có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 02 (hai) năm tại các bộ phận nghiệp vụ chuyên môn của các công ty quản lý quỹ hoặc công ty chứng khoán hoặc tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức kiểm toán hoặc tại các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán nhà nước;

e. Không phải là người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám Đốc và không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ liên quan trực tiếp tới hoạt động kinh doanh chứng khoán được cấp phép.

4. Cơ cấu nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ phải có tối thiểu:

a. 01 (một) nhân viên kiểm soát tuân thủ có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành luật và có kinh nghiệm làm việc về luật ít nhất là 01 (một) năm;

b. 01 (một) nhân viên có các chứng chỉ về kế toán, kiểm toán (gồm chứng chỉ kiểm toán viên hoặc chứng chỉ kế toán viên do Việt Nam cấp; hoặc các chứng chỉ quốc tế về kế toán, kiểm toán như chứng chỉ ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants); hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành kế toán hoặc kiểm toán và có kinh nghiệm làm việc về kế toán hoặc kiểm toán ít nhất là 01 (một) năm;

c. Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ phải đáp ứng quy định tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản này.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân viên Kiểm soát nội bộ, Công Ty phải thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và gửi kèm các tài liệu đảm bảo nhân viên và cơ cấu nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ đáp ứng quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

6. Công Ty phải gửi báo cáo Kiểm soát nội bộ hàng năm cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Báo cáo phải chỉ rõ các rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động của Công Ty, hoạt động quản lý tài sản ủy thác và các hoạt động kiểm tra, giám sát ở từng đơn vị, từng bộ phận, từng hoạt động nghiệp vụ được cấp phép.

Mục 4: Ban Kiểm Soát

Điều 53. Ban Kiểm Soát[63]

1. Ban Kiểm Soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) Kiểm Soát Viên. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban Kiểm Soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.
2. Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các Kiểm Soát Viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban Kiểm Soát phải có hơn ½ (một phần hai) số Kiểm Soát Viên thường trú tại Việt Nam.
3. Trưởng Ban Kiểm Soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.
4. Trường hợp Kiểm Soát Viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm Soát Viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát[64]

1. Ban Kiểm Soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

---

[63] Điều 168 LDN 2020

[64] Điều 170 LDN 2020 và Điều 288 NĐ 155/2020

a. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công Ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ, Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

g. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 58 của Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i. Sử dụng tư vấn độc lập, Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

j. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông.

k. Đề xuất, kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

l. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

m. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

n. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

o. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

p. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm e khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.

2. Ban Kiểm Soát có quyền được cung cấp thông tin như sau:

a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm Soát Viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm:

i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị và tài liệu kèm theo;

ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị;

iii) Báo cáo của Tổng Giám Đốc trình Hội Đồng Quản Trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành.

b. Kiểm Soát Viên có quyền tiếp cập hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhanh và địa điểm khác, có quyền đến địa điểm làm việc của Người Quản Lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.

c. Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác

phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm Soát Viên hoặc Ban Kiểm Soát.

Điều 55. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây[65]:
   a. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
   b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
   c. Không phải là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
   d. Không phải là Người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
   e. Không đồng thời làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   f. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
2. Trách nhiệm của Kiểm Soát Viên
   a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
   b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
   c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
   d. Nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.
   e. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm Soát Viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
   f. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
3. Miễn nhiệm Kiểm Soát Viên[66]
   Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm Kiểm Soát Viên trong trường hợp sau đây:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm Soát Viên theo quy định tại Khoản 1 Điều này;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định;
4. Bãi nhiệm Kiểm Soát Viên
   Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm Kiểm Soát Viên trong trường hợp sau đây:
   a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
   d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 56. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát viên[67]

1. Kiểm Soát Viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát;

---

[65] Điều 169 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 286 ND 155/2020.
[66] Điều 174 LDN 2020
[67] Điều 172 LDN 2020

2. Kiểm Soát Viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí dử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

CHƯƠNG IV. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 57. Công khai các lợi ích liên quan[68]

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 1 Điều Lệ này, quy định pháp luật có liên quan và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.

3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

   a. Công Ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

   b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại (các) chi nhánh của Công Ty;

   c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai tại trụ sở chính của Công Ty trong giờ làm việc;

   d. Công Ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm c Khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục và sao chép danh sách người có liên quan của Công Ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau:

      (i) Người có yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan gửi văn bản đề nghị đến Công Ty tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện việc xem xét, trích lục, sao chép;

      (ii) Công Ty chỉ cung cấp bản gốc hoặc tập dữ liệu điện tử các nội dung được yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép tại trụ sở chính của Công Ty. Việc xem xét, trích lục và sao chép các nội dung này phải được thực hiện dưới sự chứng kiến của tối thiểu 01 (một) nhân viên của Công Ty được người quản lý phân công;

      (iii) Công Ty không gửi bản chính, bản sao, tập dữ liệu điện tử hoặc dưới bất kỳ hình thức nào của các thông tin, dữ liệu cho người yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép dưới bất kỳ phương thức nào, dù là chuyển phát nhanh, fax hoặc email;

---

[68] Điều 164 LDN 2020

(iv) Trường hợp người có quyền yêu cầu nêu trên ủy quyền cho người khác thực hiện xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan thì việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Điều 58. Trách nhiệm của người quản lý Công Ty[69]

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

   a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều Lệ, nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;

   c. Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 57 của Điều Lệ;

   e. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc hoặc người quản lý khác vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công Ty và bên thứ ba.

Điều 59. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc[70]

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

   a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công Ty theo quy định tại Điều 58 của Điều Lệ;

   b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

   c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công Ty được tính vào chi phí của Công Ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

---

[69] Điều 165 LDN 2020
[70] Điều 166 LDN 2020

Điều 60. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan[71]

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan sau đây:

   a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ đông của Công Ty và người có liên quan của họ;

   b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

   c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 của Điều Lệ.

   d. Các tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng Khoán.

2. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:

   a. Hợp đồng, giao dịch theo quy đinh tại Khoản 1 Điều này và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

   b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và khoản 4 Điều 35 của Điều Lệ này.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công Ty phải công khai/công bố thông tin hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 61. Công khai thông tin[72]

1. Công Ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

---

[71] Điều 167 LDN 2020

[72] Điều 176 LDN 2020

2. Công Ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

   a. Điều Lệ của Công Ty;

   b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc;

   c. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

   d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

3. Công Ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG V. NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 62. Nghĩa vụ trong hoạt động nghiệp vụ của Công Ty[73]

1. Công Ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.

2. Công Ty phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quy trình tư vấn đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ khác phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của Công Ty; quy trình kiểm soát nội bộ; sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán; quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Trường hợp khách hàng ủy thác đầu tư chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động Công Ty.

3. Công Ty phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác. Quy định về việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa Công Ty và nhân viên.

4. Công Ty phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của Công Ty, các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và khách hàng ủy thác do Công Ty quản lý dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

5. Khi quản lý tài sản ủy thác, Công Ty phải đảm bảo:

   a. Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư;

   b. Ký hợp đồng lưu ký hoặc hợp đồng giám sát với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

   c. Thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

   d. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại Công Ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác; tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính Công Ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của

[73] Điều 10 TT 99/2020/TT-BTC

khách hàng ủy thác; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của từng khách hàng ủy thác và nơi lưu ký các tài sản đó;

e. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của khách hàng ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại Công Ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác;

f. Phân công tối thiểu 02 (hai) người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của mỗi quỹ đầu tư chứng khoán, mỗi công ty đầu tư chứng khoán. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.

6. Công Ty phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân Công Ty. Quy trình phân bổ tài sản phải:

a. Nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác;

b. Được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

7. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, Công Ty bảo đảm:

a. Đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

(i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

(ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công Ty không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

Quy định tại Điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ 06 (sáu) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó được thành lập; quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn 300 (ba trăm) tỷ đồng;

b. Đối với các khách hàng ủy thác khác, Công Ty phải tuân thủ quy định tại Điểm a Khoản này, trừ trường hợp Công Ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của Công Ty với công ty chứng khoán và khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.

8. Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công Ty có trách nhiệm bảo đảm:

a. Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác, giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

b. Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;

c. Công Ty được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định tại Điều 64 của Điều Lệ và các quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

9. Khi thực hiện quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, Công Ty phải:

a. Bảo đảm chịu sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

b. Bảo đảm thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro phù hợp với chính sách đầu tư, loại tài sản đầu tư và báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị về công tác quản trị rủi ro;

c. Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hàng ngày của công ty đầu tư chứng khoán mà không cần phải có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

d. Thực hiện các chính sách đầu tư, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán; thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

e. Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; phương án tái cấu trúc công ty đầu tư chứng khoán;

f. Ký các hợp đồng nhân danh công ty đầu tư chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

g. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán.

10. Khi quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, Công Ty phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.

11. Công Ty có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về: khách hàng ủy thác, danh mục tài sản ủy thác, giao dịch tài sản ủy thác, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công Ty, các thông tin liên quan khác theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu 01 (một) tháng một lần, Công Ty có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng uỷ thác với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.

12. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công Ty về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư thì Công Ty phải huỷ bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho khách hàng ủy thác. Công Ty phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên

quan đến các giao dịch này và các tổn thất. Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho khách hàng ủy thác.

13. Công Ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công Ty hoặc do Công Ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư. Việc bồi thường cho quỹ mở, nhà đầu tư vào quỹ mở, quỹ đóng, quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác được thực hiện theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

14. Công Ty thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại Bộ phận Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nếu xét thấy cần thiết hoặc trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong các trường hợp quy định tại khoản 13 Điều này.

15. Công Ty phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công Ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

16. Công Ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan.

17. Công Ty bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam.

18. Công Ty khi sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện.

19. Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

20. Công Ty phải bảo đảm:

    a. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp Công Ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công Ty;

    b. Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công Ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;

    c. Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công Ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

21. Trong hoạt động đầu tư tài chính từ vốn chủ sở hữu, Công Ty bảo đảm:

    a. Hoạt động đầu tư tài chính phải từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức;

b. Không được đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn của mình, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;

c. Không được cho vay, hoặc giao vốn của Công Ty cho các tổ chức, cá nhân dưới mọi hình thức, ngoại trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu kho bạc, trái phiếu niêm yết được phát hành theo quy định của pháp luật;

d. Hợp đồng kinh tế, giao dịch giữa Công Ty với những người có liên quan của Công Ty chỉ được thực hiện sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị thông qua theo quy định tại Điều Lệ này và quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

e. Được sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư làm trụ sở Công Ty. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, Công Ty được cho thuê lại;

f. Công Ty có trách nhiệm báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và tình hình tăng, giảm giá trị các khoản đầu tư này trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư, thay đổi giá trị khoản đầu tư, thoái vốn đầu tư;

g. Công Ty và người có liên quan (ngoại trừ người có liên quan là các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý) chỉ được đầu tư không quá 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

22. Công Ty phải được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức trước khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải bảo đảm tuân thủ quy định tại Điểm a Khoản 21 của Điều này, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật ngân hàng và các nguyên tắc sau:

a. Công Ty được phép đầu tư tối đa 20% vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng gần nhất đã được soát xét và báo cáo tài chính quý gần nhất; đảm bảo không vượt quá hạn mức đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận. Công Ty chỉ đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;

b. Trường hợp danh mục đầu tư của Công Ty vượt quá hạn mức quy định do biến động giá trên thị trường của tài sản đang nắm giữ hoặc do được hưởng các quyền có liên quan đến tài sản nắm giữ, Công Ty phải thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày đầu tư vượt quá hạn mức.

23. Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công Ty, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.

24. Công Ty cùng với các khách hàng ủy thác phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác danh mục đầu tư đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng ủy thác có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

25. Công Ty có trách nhiệm hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên, cử người hành nghề chứng khoán tham gia các khóa tập huấn do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật.

26. Công Ty phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của Công Ty vào cơ sở dữ liệu Công Ty của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Điều 63. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty và nhân viên của Công Ty[74]

[74] Điều 11 TT 99/2020/TT-BTC

1. Công Ty không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty đang quản lý. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, nhân viên Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ, Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành, nhân viên của Công Ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Công Ty, người có liên quan của Công Ty được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty đang quản lý nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán cho phép, ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại Điểm b Khoản 6 của Điều này.

3. Công Ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên của Công Ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà Công Ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

   a. Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán;

   b. Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.

4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên của Công Ty phải báo cáo Bộ phận Kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại Bộ phận Kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước khi có yêu cầu.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên của Công Ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công Ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ, thường theo quy định tại Khoản 9 Điều này được quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư.

6. Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, Công Ty bảo đảm:

   a. Không được sử dụng tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào chính quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó;

   b. Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;

   c. Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính Công Ty; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên của Công Ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn Điều Lệ.

      Công Ty có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng ủy thác đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép Công Ty thực hiện việc đầu tư này với mức giá dịch vụ quản lý phù hợp và đảm bảo tuân thủ quy định tại Điểm b Khoản này;

d. Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty, người có liên quan của Công Ty, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng đối với: khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; hoặc trong trường hợp khách hàng ủy thác quản lý danh mục đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác;

e. Chỉ sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán;

f. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng ủy thác về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc bảo đảm khách hàng ủy thác không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của Công Ty; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư;

g. Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho khách hàng ủy thác.

7. Công Ty chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đảm bảo:

a. Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

b. Công Ty thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

8. Công Ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

9. Ngoại trừ quỹ mở, Công Ty được nhận thưởng hoạt động theo quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư. Mức thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:

a. Được tính trên cơ sở phần lợi nhuận hàng năm của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

b. Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.

Điều 64. Ủy quyền hoạt động[75]

1. Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh, Công Ty được:

a. Ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, Tổng Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện các dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;

[75] Điều 12 TT 99/2020/TT-BTC

b. Ủy quyền cho tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý tài sản đối với tài sản của khách hàng ủy thác đầu tư ở nước ngoài.

2. Khi thực hiện ủy quyền các hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều này, Công Ty phải bảo đảm:

a. Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có quy định cho phép Công Ty được ủy quyền các hoạt động này. Trường hợp ủy quyền hoạt động theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, tổ chức nước ngoài phải được cơ quan quản lý trong lĩnh vực chứng khoán nước ngoài cấp phép hoạt động nhận ủy quyền và chịu sự quản lý, thanh tra, giám sát của cơ quan này;

b. Các thông tin cơ bản của bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại Bản cáo bạch, cung cấp cho khách hàng ủy thác. Đại hội nhà đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác có quyền yêu cầu Công Ty thay đổi tổ chức nhận ủy quyền nếu xét thấy cần thiết;

c. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được ủy quyền;

d. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;

e. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty báo cáo kiểm toán độc lập đối với hoạt động ủy quyền, các tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty theo quy định;

f. Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này phải được nêu rõ tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán. Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này phải được Đại hội nhà đầu tư, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác chấp thuận bằng văn bản.

3. Trong hoạt động ủy quyền, Công Ty phải có trách nhiệm:

a. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;

b. Ký hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo quy định;

c. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã uỷ quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Công Ty và của khách hàng ủy thác (nếu có). Công Ty được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại Điểm này. Định kỳ hàng tháng, Công Ty phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền;

d. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

e. Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty, tổ chức kiểm toán độc lập, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

f. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty đối với khách hàng ủy thác. Công Ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí, giá dịch vụ mà khách hàng trực tiếp thỏa thuận, thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng ủy thác đầu tư, hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. Công Ty phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho khách hàng ủy thác;

g. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ trong hoạt động ủy quyền;

h. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền; hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo yêu cầu;

i. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký hợp đồng với bên nhận ủy quyền đối với các hoạt động ủy quyền quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, Công Ty thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc ủy quyền này và gửi kèm theo các tài liệu xác nhận bên nhận ủy quyền đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Các báo cáo về việc kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này và các tài liệu liên quan khác phải cung cấp cho Hội đồng quản trị, Ban Đại Diện quỹ, Hội Đồng Quản Trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát liên quan và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày báo cáo được tổng hợp.

Điều 65. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác[76]

1. Công Ty chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác trong các trường hợp sau:

   a. Công Ty tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác theo các quy định của Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý danh mục đầu tư;

   b. Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác;

   c. Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng Khoán;

   d. Tổ chức lại Công Ty;

   e. Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, hết thời gian hoạt động, hợp đồng quản lý đầu tư hết hiệu lực.

2. Công Ty phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, Đại hội cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và Công Ty thay thế trong trường hợp quy định tại Điểm a, c, d Khoản 1 Điều này.

3. Quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác của Công Ty chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày khách hàng ủy thác thông qua quyết định thay thế Công Ty.

4. Công Ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với khách hàng ủy thác mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công

[76] Điều 13 TT 99/2020/TT-BTC

Ty chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế.

Điều 66. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Mọi tranh chấp giữa các cổ đông, giữa Công Ty với khách hàng ủy thác trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải.

2. Trường hợp các bên tranh chấp không tự thỏa thuận được với nhau sẽ được đưa ra Tòa án hoặc một tổ chức có thẩm quyền xét xử. Quyết định của Tòa án hay của tổ chức đó là quyết định cuối cùng mà các bên tranh chấp phải tuân theo.

CHƯƠNG VI. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 67. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 68. Kế toán, kiểm toán, thuế

1. Công Ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trước khi trình Đại Hội Đồng Cổ Đông và Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán hoặc Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán xem xét và thông qua.

3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Công Ty phải được gửi đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và cơ quan thuế có thẩm quyền.

Điều 69. Trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Trích lập các quỹ

   a. Trước khi thực hiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông, Công Ty phải trích lập các quỹ, dự phòng bắt buộc với nguyên tắc, mức trích lập và việc sử dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

   b. Ngoài các quỹ, dự phòng bắt buộc nêu trên, Công Ty có thể trích lập các quỹ, dự phòng khác với nguyên tắc, mức trích lập và việc sử dụng được thực hiện theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Trả cổ tức[77]

   a. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

   b. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

      (i) Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

      (ii) Đã trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

[77] Điều 135 LDN 2020

(iii) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

c. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều Lệ. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

d. Trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc trả cổ tức, cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Trình tự, thủ tục trả cổ tức được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

e. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.

f. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công Ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần. Công Ty phải đăng ký tăng Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật về chứng khoán và doanh nghiệp.

3. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Khi kinh doanh thua lỗ, Công Ty được chuyển lỗ sang năm tiếp theo để được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian chuyển lỗ không vượt quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin

1. Công Ty có nghĩa vụ thực hiện báo cáo, công bố thông tin về hoạt động của Công Ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Công Ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều Lệ. Công Ty phải lưu trữ đầy đủ tại trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh, đại lý phân phối cũng như tại trang thông tin điện tử của Công Ty và cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư các tài liệu sau[78]:

a. Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

b. Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 (năm) năm gần nhất; báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng, các báo cáo tài chính quý tới quý gần nhất của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

c. Báo cáo hoạt động định kỳ của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 (năm) năm gần nhất;

d. Báo cáo về giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán.

CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC LẠI, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 71. Tổ chức lại Công Ty[79]

1. Công Ty thực hiện tổ chức lai, phương án tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp) theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan..

---

[78] Khoản 1 Điều 28 TT 99/2020/TT-BTC

[79] Điều 206 NĐ 155/2020/NĐ-CP

2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 72. Tạm ngừng hoạt động[80]

1. Công Ty tạm ngừng hoạt động theo sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

2. Điều kiện tạm ngừng hoạt động Công Ty:

   a. Việc tạm ngừng hoạt động không được ảnh hưởng đến quyền lợi khách hàng của Công Ty;

   b. Thời gian tạm ngừng hoạt động tại trụ sở chính, chi nhánh của Công Ty không quá 90 (chín mươi) ngày;

   c. Có phương án tạm ngừng hoạt động, phương án xử lý các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực đã được Hội Đồng Quản Trị thông qua.

3. Trình tự, thủ tục tạm ngừng hoạt động được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 73. Giải thể Công Ty[81]

1. Công Ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

   a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty mà không có quyết định gia hạn. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công Ty (nếu có);

   b. Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   c. Công Ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Công Ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công Ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Trường hợp Công Ty mất khả năng thanh toán, việc phá sản Công Ty thực hiện theo quy định tại Điều 74 Điều Lệ này.

3. Trình tự, thủ tục giải thể Công Ty được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 74. Phá sản Công Ty

Trình tự, thủ tục phá sản Công Ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 75. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty xem xét và thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ dẫn đến việc vi phạm quy định mới của pháp

[80] Điều 208 NĐ 155/2020/NĐ-CP
[81] Điều 207 LDN 2020

luật thì các quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

Điều 76. Ngày hiệu lực

1. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2026. Các bản Điều Lệ đã ký ban hành trước đây đều hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Điều Lệ này có hiệu lực.

2. Điều Lệ này được lập thành 03 (ba) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau.

Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền và được đóng dấu của Công Ty./.

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGUYỄN VIỆT ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
Giấy phép TL&HĐ số 28/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 25/01/2008,
Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội
www.vietcat.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu

Ngày ..... tháng ..... năm 2026

VĂN BẢN ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

1. Người ủy quyền:

- Tên cá nhân/Tổ chức: .....
- Số CC/CCCD/HC/GCNDKKD: ..... cấp ngày .....tại.....
- Địa chỉ thường trú/Trụ sở: .....
- Sở hữu số cổ phần của Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát là: ..... cổ phần.

2. Người được ủy quyền

- Tên cá nhân: .....
- Địa chỉ:.....
- Số CC/CCCD/HC: ..... cấp ngày .....tại: .....
- Điện thoại/ thư điện tử:.....

3. Nội dung ủy quyền:

1. Số cổ phần ủy quyền: ..... cổ phần (Bằng chữ: ..... cổ phần).
2. Bên nhận ủy quyền được thay mặt Bên ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát và thực hiện quyền phát biểu, thảo luận, biểu quyết, bầu cử đối với tất cả các vấn đề thuộc chương trình họp tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.
3. Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác, trừ trường hợp Bên ủy quyền đồng ý bằng văn bản.

4. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát.

5. Trách nhiệm của người được ủy quyền:

Bên ủy quyền cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Bên nhận ủy quyền cam kết thực hiện đúng phạm vi được ủy quyền.

NGƯỜI ỦY QUYỀN	**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký và ghi rõ họ tên/đóng dấu với cổ đông là tổ chức)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Dự Thảo

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ CỦA TPBANK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../2026/BBH-ĐHĐCĐ-VFC
No. ...../2026/BBH-ĐHĐCĐ-VFC
V/v: Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026
Re: First Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026
Hanoi, .../...../2026

BIÊN BẢN HỌP
MINUTES OF MEETING

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2026
FIRST EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
VIETNAM FORTUNE FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

A. Thông Tin Doanh Nghiệp:
Corporate Information:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("**VFC**" hoặc "**Công ty**").
*Company name: Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company ("**VFC**" or the "**Company**").*

2. Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 25/01/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
Establishment and Operation License No. 28/UBCK-GP first issued by the State Securities Commission of Vietnam on 25/01/2008 (as amended and supplemented from time to time).

3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội.
Head office address: 11th Floor, DOJI Tower, No. 5 Le Duan Street, Van Mieu – Quoc Tu Giam Ward, Hanoi City.

B. Thời Gian, Địa Điểm Họp:
Time and Venue of the Meeting:

1. Thời gian: 8h30, thứ Hai, ngày tháng năm 2026.
Time: 8:30 a.m, Monday, .../...../2026.

2. Địa điểm: Tầng 11, Tòa nhà DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội.
Venue: 11th Floor, DOJI Tower, No. 5 Le Duan Street, Van Mieu – Quoc Tu Giam Ward, Hanoi City.

3. Hình thức họp: Họp trực tiếp.
Meeting format: In-person meeting.

C. Mục Đích, Chương Trình Và Nội Dung Họp:
Purpose, Agenda and Matters of the Meeting:

Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 ("**Đại Hội Bất Thường**") theo Thư mời họp số ...../2026/TMH-VFC-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2026 của Hội đồng Quản trị để thảo luận và

biểu quyết các vấn đề được nêu cụ thể tại Mục E dưới đây. Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp là ngày 20/11/2026.
*The First Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026 (the "**Extraordinary General Meeting**") was convened pursuant to Meeting Invitation No. ...../2026/TMH-VFC-ĐHĐCĐ dated ...../...../2026 of the Board of Directors to discuss and vote on the matters specified in Section E below. The record date for compiling the list of shareholders entitled to attend the meeting was 20/11/2026.*

D. Thành Viên (Hoặc Người Được Ủy Quyền) Dự Họp:
Shareholders (or Authorized Representatives) in Attendance:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại Hội Bất Thường đã kiểm tra tư cách các đại biểu có quyền tham dự họp và xác nhận tư cách đại biểu đủ điều kiện dự họp của các cổ đông sau đây:
The Shareholder Eligibility Verification Committee of the Extraordinary General Meeting verified the eligibility of the delegates entitled to attend the meeting and confirmed that the following shareholders were eligible to attend:

1. Các cổ đông tham dự họp, bao gồm:
Shareholders in attendance include:

STT ***No.***	**Tên cổ đông** ***Shareholder***	**Mã số DN/Số giấy tờ pháp lý** ***Enterprise Code/Legal Document No.***	**Số lượng cổ phần** ***Number of shares***	**Tỷ lệ** ***Ownership ratio***	**Số phiếu biểu quyết** ***Number of votes***
1	**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong** ***Tien Phong Commercial Joint Stock Bank***	Giấy phép hoạt động số: 123/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp lần đầu ngày 05/05/2008 *Operation License No. 123/GP-NHNN first issued by the State Bank of Vietnam on 05/05/2008*	9.990.000	99,9%	9.990.000
2	**Nguyễn Anh Vũ**	CCCD số: 001081029260 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/08/2022 *Citizen Identity Card No. 001081029260 issued by the Police Department for Administrative Management of Social Order on 05/08/2022*	5.000	0,05%	5.000
3	**Hồ Thị Thùy Giang**	CCCD số: 001185039945 do Cục Cảnh sát Quản lý	5.000	0,05%	5.000

		hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/08/2021 *Citizen Identity Card No. 001185039945 issued by the Police Department for Administrative Management of Social Order on 09/08/2021*			
TỔNG CỘNG ***TOTAL***			**10.000.000**	**100%**	**10.000.000**

2. Ban thư ký Đại Hội Bất Thường đã kiểm tra tư cách các đại biểu có quyền tham dự họp và xác nhận tư cách đại biểu đủ điều kiện dự họp của các cổ đông.
The Secretariat of the Extraordinary General Meeting verified the eligibility of the delegates entitled to attend the meeting and confirmed the eligibility of the shareholders to attend the meeting.

3. Một trăm phần trăm (100%) cổ đông tham dự cuộc họp đồng ý việc tổ chức họp tại Tầng 11, Tòa nhà DoJi Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội.
One hundred percent (100%) of the shareholders in attendance agreed to hold the meeting at 11th Floor, DoJi *Tower, No. 5 Le Duan Street, Van Mieu – Quoc Tu Giam Ward, Hanoi City.*

4. Một trăm phần trăm (100%) cổ đông tham dự cuộc họp đồng ý việc Ông Nguyễn Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa cuộc họp.
One hundred percent (100%) of the shareholders in attendance agreed that Mr. Nguyen Viet Anh, Chairman of the Board of Directors, shall act as Chairperson of the meeting.

5. Một trăm phần trăm (100%) cổ đông tham dự cuộc họp đồng ý việc chỉ định Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên làm Thư ký cuộc họp.
One hundred percent (100%) of the shareholders in attendance agreed to the appointment of Ms. Nguyen Thi Le Quyen as Secretary of the meeting.

6. Thành viên Ban Kiểm soát tham dự gồm:
Members of the Board of Supervisors in attendance:

   (a) Ông Ngô Trung Dũng – Trưởng ban;
   Mr. Ngo Trung Dung – Head of the Board of Supervisors;

   (b) Ông Nguyễn Cao Cường – Thành viên; và
   Mr. Nguyen Cao Cuong – Member; and

   (c) Bà Hoàng Khánh Ly – Thành viên.
   Ms. Hoang Khanh Ly – Member.

7. Cổ đông tham dự cuộc họp đại diện [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp đồng ý việc bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa, gồm:
Shareholders in attendance representing [•]% of the total votes of attending shareholders approved the election of the Vote Counting Committee as proposed by the Chairperson, comprising:

   (a) Ông/bà: [•] – Trưởng ban;
   Mr/Mrs [•] *– Head of the Committee;*

   (b) Ông/Bà – Thành viên; và
   Mr/Mrs [•] *– Member; and*

(c) Ông/ Bà [•] – Thành viên.
Mr/Mrs. [•] – Member.

Cổ đông tham dự cuộc họp đại diện 100 % tổng số phiếu biểu quyết dự họp đồng ý thông qua Chương trình họp và Quy chế làm việc tại Đại Hội Bất Thường. Các thành viên Ban Kiểm soát không có ý kiến khác về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp, Chủ tọa, Thư ký và thành viên Ban kiểm phiếu của Đại Hội Bất Thường.
Shareholders in attendance representing 100% of the total votes of attending shareholders approved the Meeting Agenda and the Working Regulation of the Extraordinary General Meeting. The members of the Board of Supervisors raised no objection to the time and venue of the meeting, or to the Chairperson, the Secretary and the members of the Vote Counting Committee of the Extraordinary General Meeting.

Chủ tọa cuộc họp công bố số cổ đông tham dự Đại Hội Bất Thường nắm số cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty. Căn cứ khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại Hội Bất Thường đủ điều kiện tiến hành.
The Chairperson announced that the shareholders attending the Extraordinary General Meeting held voting shares representing 100% of the total votes of the Company. Pursuant to Clause 1, Article 145 of the Law on Enterprises and the Company's Charter, the Extraordinary General Meeting was duly constituted and eligible to proceed.

E. Nội Dung Cuộc Họp Và Các Vấn Đề Được Thảo Luận Và Biểu Quyết Tại Cuộc Họp:
Proceedings of the Meeting and Matters Discussed and Voted on at the Meeting:

Chủ tọa đã thông báo chương trình, nội dung cuộc họp và thống nhất Đại Hội Bất Thường được tổ chức và điều hành theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên khai mạc. Đại diện Hội đồng Quản trị đã trình bày các Tờ trình. Chủ tọa đã mời các cổ đông thảo luận, đặt câu hỏi. Tóm tắt ý kiến phát biểu và nội dung trả lời. Các cổ đông dự họp thống nhất với nội dung các Tờ trình và không có ý kiến khác.
The Chairperson announced the agenda and matters of the meeting and confirmed that the Extraordinary General Meeting would be organized and conducted in accordance with the Law on Enterprises, the Company's Charter and the Working Regulation approved by the General Meeting of Shareholders at the opening session. A representative of the Board of Directors presented the Proposals. The Chairperson invited the shareholders to discuss and raise questions. Summary of the opinions expressed and the responses provided. The attending shareholders concurred with the Proposals and raised no further opinions.

Các cổ đông tham dự họp đã thảo luận và biểu quyết các nội dung sau:
The attending shareholders discussed and voted on the following matters:

1. **Nội dung 1:** Thông qua toàn văn Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông theo Tờ trình số ...../2026/TTr-HĐQT ngày ...../...../2026 của Hội đồng Quản trị. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thay thế Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua ngày 23/04/2021. Kể từ ngày Quy chế có hiệu lực, Quyết định số 07/2024/QĐ-TGĐ ngày 25/06/2024 của Tổng Giám đốc và Quy chế ban hành kèm theo chấm dứt hiệu lực.
Matter 1: *Approval of the full text of the Regulation on Organization of Meetings and Voting of the General Meeting of Shareholders under Proposal No. ...../2026/TTr-HĐQT dated ...../...../2026 of the Board of Directors. The Regulation takes effect from the date of its approval by the General Meeting of Shareholders and replaces the Regulation on Organization of General Meetings of Shareholders approved on 23/04/2021. From the effective date of the Regulation, Decision No.*

07/2024/QĐ-TGĐ dated 25/06/2024 of the General Director and the Regulation issued thereunder shall cease to be effective.

2. **Nội dung 2:** Thông qua việc thay đổi tên Công ty theo Tờ trình số ...../2026/TTr-HĐQT ngày ...../...../2026 của Hội đồng Quản trị, cụ thể:
Matter 2: *Approval of the change of the Company's name under Proposal No. ...../2026/TTr-HĐQT dated ...../...../2026 of the Board of Directors, as follows:*

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG**
  Name in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG
- Tên tiếng Anh: **TIEN PHONG CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY**
  Name in English: TIEN PHONG CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: **TPCapital**
  Abbreviated name: TPCapital
- Tên mới có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh ghi nhận việc thay đổi tên.
  The new name takes effect from the date on which the State Securities Commission of Vietnam issues the amended License recording the change of name.

3. **Nội dung 3:** Thông qua (i) nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Tờ trình số ...../2026/TTr-HĐQT ngày ...../...../2026 của Hội đồng Quản trị và (ii) toàn văn Điều lệ sửa đổi đính kèm Tờ trình.
Matter 3: *Approval of (i) the amendments and supplements to the Company's Charter under Proposal No. ...../2026/TTr-HĐQT dated ...../...../2026 of the Board of Directors and (ii) the full text of the amended Charter attached to the Proposal.*

4. **Nội dung 4:** Thông qua việc Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, trong phạm vi các nội dung đã được thông qua tại cuộc họp, thực hiện các công việc sau:
Matter 4: *Approval of the assignment and authorization by the General Meeting of Shareholders to the Board of Directors, within the scope of the matters approved at the meeting, to carry out the following:*

(a) Lập, ký và nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, thực hiện các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
Prepare, sign and submit the application to the State Securities Commission of Vietnam for amendment of the Establishment and Operation License, carry out procedures with competent state authorities and make information disclosures in accordance with the law;

(b) Điều chỉnh tên tiếng Anh, tên viết tắt của Công ty theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), với điều kiện giữ nguyên tên riêng "Tiên Phong" và phù hợp với chấp thuận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong;
Adjust the Company's English name and abbreviated name at the request of competent state authorities (if any), provided that the proper name "Tien Phong" is retained and the adjustment is consistent with the approval of Tien Phong Commercial Joint Stock Bank;

(c) Hoàn thiện câu chữ, lỗi kỹ thuật của Điều lệ sửa đổi và Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), với điều kiện không làm thay đổi nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; và
Finalize the wording and correct technical errors in the amended Charter and the Regulation on Organization of Meetings and Voting of the General Meeting of Shareholders

at the request of competent state authorities (if any), provided that such changes do not alter the substance approved by the General Meeting of Shareholders; and

(d) Quyết định và thực hiện các công việc cần thiết khác để triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
Decide on and carry out other necessary actions to implement the matters approved by the General Meeting of Shareholders.

Hội đồng Quản trị được giao lại cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.
The Board of Directors may delegate one or more of the above tasks to the Chairman of the Board of Directors, the General Director or the legal representative of the Company.

F. Kết Quả Biểu Quyết (tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp):
Voting Results (calculated on the total votes of attending shareholders):

Đại Hội Bất Thường đã biểu quyết trực tiếp các nội dung nêu tại Mục E bằng Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu đã kiểm phiếu và xác nhận kết quả biểu quyết cụ thể như sau:
The Extraordinary General Meeting voted directly on the matters set out in Section E by Voting Ballots, which were returned to the Vote Counting Committee. The Vote Counting Committee counted the votes and confirmed the voting results as follows:

1. Nội dung 1: Thông qua Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông
Matter 1: Approval of the Regulation on Organization of Meetings and Voting of the General Meeting of Shareholders

(a) Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: [•] phiếu.
Total votes of attending shareholders: [•] votes.

(b) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp bằng Phiếu biểu quyết.
Voting method: Direct voting at the meeting by Voting Ballots.

(c) Tổng số phiếu hợp lệ: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total valid votes: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(d) Tổng số phiếu không hợp lệ: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total invalid votes: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(e) Tổng số phiếu tán thành: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total votes in favor: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(f) Tổng số phiếu không tán thành: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total votes against: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(g) Tổng số phiếu không có ý kiến: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total abstentions: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

2. **Nội dung 2: Thông qua việc thay đổi tên Công ty**
Matter 2: Approval of the change of the Company's name

(a) Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: [•] phiếu.
Total votes of attending shareholders: [•] votes.

(b) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp bằng Phiếu biểu quyết.
Voting method: Direct voting at the meeting by Voting Ballots.

(c) Tổng số phiếu hợp lệ: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total valid votes: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(d) Tổng số phiếu không hợp lệ: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total invalid votes: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(e) Tổng số phiếu tán thành: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total votes in favor: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(f) Tổng số phiếu không tán thành: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total votes against: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(g) Tổng số phiếu không có ý kiến: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total abstentions: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

3. **Nội dung 3: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ và toàn văn Điều lệ sửa đổi**
Matter 3: Approval of the amendments and supplements to the Charter and the full text of the amended Charter

(a) Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: [•] phiếu.
Total votes of attending shareholders: [•] votes.

(b) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp bằng Phiếu biểu quyết.
Voting method: Direct voting at the meeting by Voting Ballots.

(c) Tổng số phiếu hợp lệ: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total valid votes: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(d) Tổng số phiếu không hợp lệ: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total invalid votes: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(e) Tổng số phiếu tán thành: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total votes in favor: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(f) Tổng số phiếu không tán thành: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total votes against: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(g) Tổng số phiếu không có ý kiến: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total abstentions: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

4. Nội dung 4: Thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị
Matter 4: Approval of the assignment and authorization to the Board of Directors

(a) Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: [•] phiếu.
Total votes of attending shareholders: [•] votes.

(b) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp bằng Phiếu biểu quyết.
Voting method: Direct voting at the meeting by Voting Ballots.

(c) Tổng số phiếu hợp lệ: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total valid votes: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(d) Tổng số phiếu không hợp lệ: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total invalid votes: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(e) Tổng số phiếu tán thành: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total votes in favor: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(f) Tổng số phiếu không tán thành: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total votes against: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

(g) Tổng số phiếu không có ý kiến: [•] phiếu, tương ứng [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
Total abstentions: [•] votes, representing [•]% of the total votes of attending shareholders.

Kết quả kiểm phiếu đã được Trưởng Ban kiểm phiếu đọc cho toàn thể đại biểu tham dự Đại Hội Bất Thường nghe và được các cổ đông tham dự Đại Hội Bất Thường biểu quyết xác nhận với tỷ lệ [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp tán thành.
The vote counting results were read out by the Head of the Vote Counting Committee to all delegates attending the Extraordinary General Meeting and were confirmed by the attending shareholders with [•]% of the total votes of attending shareholders in favor.

G. Các Quyết Định Được Thông Qua:
Resolutions Adopted:

Với kết quả biểu quyết như đề cập tại Mục F nêu trên, các nội dung nêu tại Mục E đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, với tỷ lệ tán thành lần lượt là: Nội dung 1 đạt [•]%, Nội dung 2 đạt [•]%, Nội dung 3 đạt [•]%, Nội dung 4 đạt [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp. Các nội dung trên được cụ thể hóa tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 số .../2026/NQ-ĐHĐCĐ-VFC.
Based on the voting results set out in Section F above, the matters set out in Section E were validly approved by the General Meeting of Shareholders in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter, with the following approval rates: Matter 1: [•]%, Matter 2: [•]%, Matter 3: [•]% and Matter 4: [•]% of the total votes of attending shareholders. These matters are set

out in Resolution No. ...../2026/NQ-ĐHĐCĐ-VFC of the First Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026.

Biên bản này được lập xong và đọc lại cho toàn thể cổ đông dự họp nghe trước khi kết thúc cuộc họp và được Đại Hội Bất Thường biểu quyết thông qua với tỷ lệ [•]% tổng số phiếu biểu quyết dự họp tán thành. Cuộc họp kết thúc lúc [•] giờ [•] phút cùng ngày. Chủ tọa, Thư ký cuộc họp và Trưởng Ban kiểm phiếu cùng ký tên dưới đây. Chủ tọa và Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản này./.

These Minutes were completed and read out to all attending shareholders before the close of the meeting and were approved by the Extraordinary General Meeting with [•]% of the total votes of attending shareholders in favor. The meeting closed at [•]:[•] on the same day. The Chairperson, the Secretary of the meeting and the Head of the Vote Counting Committee have signed below. The Chairperson and the Secretary shall be jointly liable for the truthfulness and accuracy of these Minutes./.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP
CHAIRPERSON OF THE MEETING

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

THƯ KÝ CUỘC HỌP
SECRETARY OF THE MEETING

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU
HEAD OF THE VOTE COUNTING COMMITTEE

Dự thảo

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ CỦA TPBANK

Số:...../2026/NQ-ĐHĐCĐ-VFC
No.:...../2026/NQ-ĐHĐCĐ-VFC
V/v: Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026

Re: First Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Ngày tháng năm 2026

Date: ...../...../2026

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2026

RESOLUTION OF THE FIRST EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

VIETNAM FORTUNE FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF VIETNAM FORTUNE FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Căn cứ/ Pursuant to:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

  The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly on 17/06/2020 and its guiding documents;

- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

  The Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly on 26/11/2019 and its guiding documents;

- *Điều lệ Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("**VFC**"); và*

  *The Charter of Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company ("**VFC**"); and*

- *Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của VFC số...../2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày ..... tháng ..... năm 2026 ("**Đại Hội Bất Thường**").*

  *The Minutes No. ...../2026/BBH-ĐHĐCĐ dated ...../...../2026 of the First Extraordinary General Meeting of Shareholders of 2026 of VFC (the "**Extraordinary General Meeting**").*

QUYẾT NGHỊ:

RESOLVES:

Điều 1: Chấp thuận việc Đại Hội Bất Thường được tổ chức theo Quy chế thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-TGĐ ngày 25/06/2024.

Article 1: *To approve that the Extraordinary General Meeting be organized in accordance with the Regulation on procedures, convening and voting at the General Meeting of Shareholders issued together with Decision No. 07/2024/QĐ-TGĐ dated 25/06/2024.*

Điều 2: Thông qua Quy chế thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được ban hành kèm theo Tờ trình số ...../2026/TTr-HĐQT ngày ...../...../2026 của Hội đồng Quản trị. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này được thông qua, thay thế Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua ngày 23/04/2021. Kể từ ngày Quy chế có hiệu lực, Quyết định số 07/2024/QĐ-TGĐ ngày 25/06/2024 của Tổng Giám đốc và Quy chế ban hành kèm theo chấm dứt hiệu lực.

Article 2: *To approve the Regulation on procedures, convening and voting at the General Meeting of Shareholders attached to Proposal No. ...../2026/TTr-HĐQT dated ...../...../2026 of the Board of Directors. The Regulation takes effect from the date of approval of this Resolution and replaces the Regulation on Organization of General Meetings of Shareholders approved on 23/04/2021. From the effective date of the Regulation, Decision No. 07/2024/QĐ-TGĐ dated 25/06/2024 of the General Director and the Regulation issued thereunder shall cease to be effective.*

Điều 3: Thông qua việc thay đổi tên Công ty theo Tờ trình số ...../2026/TTr-HĐQT-VFC ngày ...../...../2026 của Hội đồng Quản trị như sau:

Article 3: *To approve the change of the Company's name under Proposal No. ...../2026/TTr-HĐQT-VFC dated ...../...../2026 of the Board of Directors as follows:*

1. Tên Công ty sau khi thay đổi:

   Name of the Company after the change:

(a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG**

Name in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG

(b) Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **TIEN PHONG CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY**

Name in English: TIEN PHONG CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

(c) Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG.**

Trade name in Vietnamese: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ TIÊN PHONG.

(d) Tên Công ty viết tắt: **TPCapital**

Abbreviated name: Tpcapital

(e) Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **TPCapital**

Trading name in English: TPCapital

2. Tên mới của Công ty có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động ghi nhận việc thay đổi tên. Trước thời điểm này, Công ty tiếp tục sử dụng tên hiện tại.

The new name of the Company shall take effect from the date on which the State Securities Commission of Vietnam issues the amended Establishment and Operation License recording the change of name. Until then, the Company shall continue to use its current name.

Điều 4: Thông qua (việc) (i) sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty theo Tờ trình số ...../2026/TTr-HĐQT ngày ...../...../2026 và (ii) toàn văn Điều lệ sửa đổi của Công ty đính kèm Tờ trình.

Article 4: *To approve (i) the amendments and supplements to the Company's Charter under Proposal No. ...../2026/TTr-HĐQT dated ...../...../2026 and (ii) the full text of the Company's amended Charter attached to the Proposal.*

Điều 5: Thông qua việc Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng Quản trị căn cứ tình hình cụ thể chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các công việc sau:

Article 5: *To approve the General Meeting of Shareholders' assignment and full authorization to the Board of Directors, based on the specific circumstances, to be responsible for organizing the implementation of the following:*

4.1. Chuẩn bị và triển khai các công việc, thủ tục liên quan nhằm thực hiện các quyết định đã được thông qua và phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

Prepare and carry out the actions and procedures required to implement the decisions approved at the General Meeting of Shareholders;

4.2. Lập, ký các hồ sơ, văn bản và tài liệu cần thiết trong quá trình thực hiện các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Prepare and sign the dossiers, documents and materials necessary for the implementation of the matters approved by the General Meeting of Shareholders;

4.3. Chỉnh sửa, bổ sung, ký và ban hành Điều lệ mới của VFC đã được sửa đổi, bổ sung các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; và

Amend, supplement, sign and promulgate the new Charter of VFC incorporating the amendments and supplements approved by the General Meeting of Shareholders; and

4.4. Quyết định các vấn đề và thực hiện các công việc khác cần thiết để hoàn tất các công việc được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Decide on matters and carry out other necessary actions to complete the matters approved at the General Meeting of Shareholders.

Hội đồng Quản trị được giao và ủy quyền cho một hoặc nhiều cá nhân khác thực hiện các công việc hay quyết định các vấn đề được giao hoặc ủy quyền trên đây.

The Board of Directors may assign and authorize one or more other individuals to perform the tasks or decide on the matters assigned or authorized above.

Điều 6: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông của VFC chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của VFC./.

Article 6: *This Resolution takes effect from the date of signing. The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the General Director and all shareholders of VFC shall be responsible for*

implementing this Resolution and organizing its implementation within their respective authority and functions in accordance with the law and the Charter of VFC./.

Nơi nhận:

Recipients:

- *Như Điều 6 (để báo cáo và thực hiện); và*

  As stated in Article 6 (for reporting and implementation); and

- *Lưu VP HĐQT; PC; KSNB.*

  Archived at: BOD Office, LCD, ICD

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ON BEHALF OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

NGUYỄN VIỆT ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
Giấy phép TL&HĐ số 28/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 25/01/2008,
Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội
www.vietcat.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc: Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát

Kính gửi: **Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông - Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát**

Tên cá nhân/tổ chức: .....

Số CC/CCCD/HC/GĐKKD: .....cấp ngày..... tại .....

Địa chỉ thường trú: .....

Số điện thoại/Email: .....

Người đại diện (đối với cổ đông là tổ chức): ....., chức vụ: .....

Văn bản ủy quyền (nếu có): .....

Hiện tôi/chúng tôi đang sở hữu ..... cổ phần (bằng chữ:.....) phổ thông của Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Việt Cát ("**VFC**") tại ngày ...../...../2026.

Bằng Giấy xác nhận này, tôi/chúng tôi xác nhận có tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của VFC ("**Đại Hội Bất Thường**") như thông tin tại Giấy mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026 của Quý Công ty.

Bằng văn bản này, tôi/chúng tôi đồng ý và cam kết sẽ tham dự Đại Hội Bất Thường được diễn ra vào ngày được lựa chọn như nêu trên và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông VFC tại Đại Hội Bất Thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ VFC.

Trân trọng./.

Ngày ..... tháng ..... năm 2026

CỔ ĐÔNG
(ký , ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
Giấy phép TL&HĐ số 28/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 25/01/2008,
Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội
www.vietcat.com

Mẫu

PHIẾU BIỂU QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

I. Thông Tin Cổ Đông

Họ và tên cổ đông: .....

Số CCCD/CC/Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp: .....do ..... Cấp ngày .....

Người đại diện/Người được ủy quyền (nếu có): .....

Số cổ phần có quyền biểu quyết: .....

Tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử: .....

II. Hướng Dẫn Biểu Quyết

1. Đối với mỗi nội dung, cổ đông chọn một (01) trong ba (03) phương án "**Tán thành**", "**Không tán thành**" hoặc "**Không có ý kiến**" bằng cách đánh dấu "**X**" vào ô tương ứng.
2. Toàn bộ số phiếu biểu quyết của cổ đông được tính cho phương án đã chọn đối với từng nội dung.
3. Sau khi biểu quyết, cổ đông ký, ghi rõ họ tên và nộp Phiếu biểu quyết cho Ban kiểm phiếu theo hướng dẫn của Chủ tọa.

III. Nội Dung Biểu Quyết

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	**Nội dung 1:** Thông qua Quy chế tổ chức họp và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông theo Tờ trình số ...../2026/TTr-HĐQT-VFC ngày ...../...../2026 của Hội đồng Quản trị.			
2	**Nội dung 2:** Thông qua việc thay đổi tên Công ty theo Tờ trình số ...../2026/TTr-HĐQT-VFC ngày ...../...../2026 của Hội đồng Quản trị.			
3	**Nội dung 3:** Thông qua (i) nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và (ii) toàn văn Điều lệ sửa đổi theo Tờ trình số ...../2026/TTr-HĐQT-VFC ngày ...../...../2026 của Hội đồng Quản trị.			

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
4	**Nội dung 4:** Thông qua việc Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc để triển khai các nội dung đã được thông qua, theo dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026.			

IV. Phiếu Biểu Quyết Không Hợp Lệ

1. Không hợp lệ đối với riêng nội dung đó: không đánh dấu hoặc đánh dấu từ hai (02) ô trở lên cho cùng một nội dung. Các nội dung khác trên Phiếu vẫn được tính nếu biểu quyết hợp lệ.
2. Không hợp lệ toàn bộ Phiếu: Phiếu không do Ban tổ chức phát hành hoặc không theo mẫu, không có dấu treo của Công ty. Phiếu không có chữ ký và họ tên của cổ đông hoặc người đại diện, người được ủy quyền. Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa hoặc ghi thêm nội dung không theo hướng dẫn. Phiếu nộp sau thời điểm kết thúc thu phiếu do Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.
3. Cổ đông ghi sai Phiếu nhưng chưa nộp được đổi Phiếu mới tại Ban kiểm phiếu và nộp lại Phiếu cũ để hủy.

Ngày ..... tháng ..... năm .....

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Phiếu biểu quyết có hiệu lực khi có dấu treo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát. Phiếu biểu quyết, tài liệu họp và dự thảo Nghị quyết được đăng tải tại trang thông tin điện tử của Công ty